**THIỀN LÂM BẢO HUẤN(1)**

Sa-môn Tịnh Thiện**(2)** đất Ðông Ngô trùng tập.

Hòa thượng Thích Thanh Kiểm, dịch và chú thích.

Quyển Thứ Nhất

**1.** Minh Giáo Tung**(3)** hòa thượng nói: Tôn chẳng gì tôn bằng đạo, đẹp chẳng gì đẹp bằng đức. Người có đạo đức tuy là kẻ thất phu**(4)** cũng không phải là cùng, kẻ không có đạo đức, tuy là đấng vương giả cũng không phải là thông. Bá Di, Thúc Tề**(5)** xưa kia là người chết đói; đời nay, nếu người ta lấy đó để so sánh thì mọi người đều mừng. Kiệt, Trụ**(6)**, U, Lệ**(7)** xưa kia là đấng nhân chủ; đời nay, nếu người ta lấy đó để so sánh thì mọi người đều giận. Thế nên, người học giả chỉ lo phần đạo đức của mình không trọn vẹn, chứ đừng lo thế vị không đến với mình.

**Ðàm Tân Tập**

*Chú:*

*(1) Thiền Lâm Bảo Huấn: còn gọi là Thiền Môn Bảo Huấn: Lời dạy quý báu trong Thiền môn.*

*(2) Ðông Ngô: Thuộc địa phương Dương Châu bên Trung Hoa.*

*(3) Minh Giáo Tung: Pháp tự của Ðộng Sơn Hiểu Thông đời thứ 10 phái Thanh Nguyên, cũng có tên là Phật Nhật Khế Cảo, con họ Lý đất Tô Châu, trụ trì chùa Vĩnh Anh, trước tác các bộ sách: "Thiền Môn Ðịnh Tổ Ðồ", "Chính Tông Ký", "Phụ Giáo Thiên"... Ðời vua Nhân Tôn được ban tên hiệu là Minh Giáo.*

*(4) Thất phu: Thất phu và thất phụ chỉ vào người bình dân.*

*(5) Bá Di, Thúc Tề: Y vào Sử Ký Liệt Truyện, Bá Di và Thúc Tề đều là con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân, nhường nhau làm vua, rồi bỏ nước trốn đi. Sau vua Vũ Vương đánh nhà Ân, hai người ra níu cương ngựa lại can. Vua Vũ Vương sau khi được nước, lập thành nhà Chu, hai anh em không thèm ăn gạo của nhà Chu, bỏ vào núi Thú Dương ở ẩn dật ăn rau, sau bị chết đói.*

*(6) Kiệt, Trụ: Y vào Sử Ký thì vua Kiệt là con của Ðế Phát cuối đời nhà Hạ; Trụ là con vua Ðế Ất cuối đời nhà Thương, đều là hai bạo quân thời xưa.*

*(7) U, Lệ: Theo Sử Ký Bản Kỷ, U Vương là con của Tuyên Vương đời nhà Chu; Lệ Vương là con của Di Vương cũng đời nhà Chu, đều là những ông vua hiếu lợi ngu ngốc.*

**2.** Ngài Minh Giáo nói: Cái học của Thánh hiền, cố nhiên chẳng phải một ngày mà đủ, ngày chẳng đủ thì kế đêm, rồi chứa góp hàng tháng hàng năm tự nhiên sẽ thành tựu. Nên nói: Học để tu tập, nói để biện minh**(1)**. Câu này có nghĩa là nếu học mà không biện vấn thì không do đâu mà phát minh. Ðời nay ít có những người học thường nêu ra câu hỏi để vấn biện với người, như vậy không biết đem cái gì để giúp ích cho tính địa**(2)**, trở thành cái lợi ích đổi mới mỗi ngày vậy ư!

**Cửu Phong Tập(3)**

*Chú:*

*(1) Học để tu tập, hỏi để biện minh: Văn lấy ở quẻ Càn trong Kinh Dịch: "Người quân tử học để tu tập, hỏi để biện minh”.*

*(2) Tính địa: Viết tắt ở chữ bản tính tâm địa.*

*(3) Cửu Phong Tập: Tập này của Thiều Công soạn (nhưng không phải là định thuyết).*

**3.** Ngài Minh Giáo nói: Thái Sử Công**(1)** đọc sách Mạnh Tử tới chỗ Lương Huệ Vương hỏi thầy Mạnh Tử**(2)**, đem gì để lợi cho nước tôi, bất giác để sách xuống mà thở dài. Than ôi! Lợi cái mầm mống của loạn, nên Phu Tử**(3)** Ngài ít nói đến lợi, để đề phòng cái gốc. Vì gốc là mầm móng phát sinh. Người tôn quý kẻ bần tiện, đối với cái tệ ham lợi thì đều giống nhau. Ôi! Người ở chỗ công, nếu lấy lợi không công bằng, thời làm rối loạn pháp luật, kẻ ở chỗ riêng, nếu lấy lợi bằng cách lừa bịp, thời làm rối loạn sự việc. Sự việc rối loại thời nhân sự bất bình, pháp luật rối loạn thời nhân dân chẳng phục. Gây ra mối họa xung đột rồi cùng nhau đấu tranh, chẳng đoái hoài đến cảnh chết chóc cũng vì thế mà phát sanh. Ðó chẳng phải chỉ vì lợi mà trở thành cái mầm mống rối loạn đấy ư? Như các bậc Thánh hiền xưa kia thì lại cảnh giới, bỏ cái lợi tôn điều nhân nghĩa, mà người đời sau lại cậy mối lợi để dối trá lẫn nhau, làm tổn thương đến phong tục, bại hoại đến thanh giáo không có giới hạn, lại còn công nhiên noi theo con đường tranh danh đoạt lợi để đi, mà muốn phong tục tốt trong thiên hạ không phải không mờ há lại được vậy ư!

**Ðàm Tân Tập**

*Chú:*

*(1) Thái Sử Công: Tên chức quan, chỉ vào Tư Mã Ðàm. Ðàm là con của Thái Sử Hỷ.*

*(2) Mạnh Tử: Người đất Nghiệp thời đại Chiến Quốc tên là Kha, tên chữ là Tử Dư, môn đệ của Tử Tư, tường thuật ý của Trọng Ni, làm ra sách Mạnh Tử gồm bảy thiên, đời sau được tôn là Á Thánh, nghĩa là giỏi gần bằng đức Khổng Tử.*

*(3) Phu Tử: Chỉ vào ngài Khổng Tử, người nước Lỗ thời Chiến Quốc (nhà Chu). Sanh ngày 17 tháng 8 năm thứ 21 đời Chu Linh Vương, mất năm thừ 40 đời Chu Kính Vương (B.C. 551 - 479), tên là Khưu, tên chữ là Trọng Ni, là ông tổ của Nho giáo, làm đến chức quan Ðại Tư Khấu ở nước Lỗ, vì bất đắc chí bèn đi chu du các nước trong mười ba năm, nhưng vẫn không đắc dụng, tới năm 68 tuổi Ông lại trở về nước Lỗ, soạn lại Kinh Thi, Kinh Thư, định lại Kinh Lễ, Kinh Nhạc, phê bình Kinh Dịch, làm ra Kinh Xuân Thu, học trò có đến ba ngàn người, đời sau được tôn xưng là "Chí Thánh Tiên Sư".*

**4.** Ngài Minh Giáo nói: Phàm con người làm điều ác, có điều ác hữu hình, có điều ác vô hình. Phần ác vô hình là việc hại người, phần ác hữu hình là việc giết người. Cái ác giết người thì nhỏ, cái ác hại người thì lớn. Sở dĩ trong tiệc yến ẩm có chất độc của loài chim chậm**(1)**, trong chỗ cười đùa có chứa ẩn các loài giáo mác, trong nhà sâu kín có hổ báo, trong ngõ hẻm bên có rợ Nhung, Ðịch**(2)**. Nếu tự mình không phải là Thánh hiền, không tận diệt khi nó hãy chưa manh nha, không phòng ngừa bằng lễ, pháp**(3)**, thời cái hại đó không thể lường được.

**Tây Hồ Quảng Ký**

*Chú:*

*(1) Chim Chậm: Hình thù giống chim ưng lớn như chim thứu, màu tía và xanh lợt, cổ dài bảy tám tấc, là loài chim rất độc, nếu đem cánh nó khuấy lên rượu uống thì chết ngay.*

*(2) Rợ Nhung, Ðịch: Ngày xưa người Trung Hoa gọi những nguời chưa khai hóa ở phương Bắc là Ðịch.*

*(3) Lễ Pháp: Gọi tắt ở chữ lễ nghĩa, giáo pháp.*

**5.** Ngài Minh Giáo nói: Ðại Giác Liên hòa thượng**(1)** khi ở chùa Dục Vương. Nhân có hai ông Tăng tranh cãi nhau về phần thí lợi**(2)**, vị chủ sự**(3)** không hay quyết đoán được. Ðại Giác hòa thượng liền gọi đến mắng rằng: "Trước Bao Công làm Tài phán**(4)** ở đất Khai Phong, có người dân đến tự trình bày:

- Có người đem số bạc 100 lạng gởi tôi rồi mất, nay tôi đem số bạc đó trả lại cho người con của ông ta, nhưng người đó không chịu nhận, vậy mong Ông cho gọi người đó để trả lại hộ.

Ông rất kinh dị, liền cho gọi người con đó nói rõ sự việc, nhưng người đó cố từ và nói:

- Ngày sinh thời, cha tôi không hề có bạc riêng để gởi người khác.

Hai người cố nhường nhau mãi, ông bất đắc dĩ phải đem số bạc cúng vào chùa, làm việc phúc thiện để truy tiến cho người mất". Ta mục kích thấy việc đó. Kìa như, trong chốn trần lao**(5)**, cũng còn hay khinh tài trọng nghĩa như vậy, huống hồ các người là đệ tử Phật lại chẳng biết liêm sĩ hay sao? Hòa thượng liền y pháp của Thiền môn đuổi hai vị Tăng ra khỏi chùa.

**Tây Hồ Quảng Ký**

*Chú:*

*(1) Ðại Giác Liên hòa thượng: Ðại Giác Liên hòa thượng trụ trì chùa Dục Vương thuộc Minh Châu, pháp tự của ngài Hoài Trừng đời Thanh Nguyên thứ 14.*

*(2) Thí lợi: Của bố thí. Hàng Tăng thì đem pháp của đức Phật giảng cho người nghe gọi là pháp thí, trái lại khi các tín đồ đem đồ vật của cải cúng dường chư Tăng, gọi là tài thí, nên gọi là thí lợi.*

*(3) Chủ sự: Vị duy-na trong chốn Thiền môn.*

*(4) Bao Công làm tài phán: Bao Công, tên chữ là Hy Nhân làm quan đến chức Ngự Sữ. Thiên tính nghiêm khắc, chưa từng có cười cợt, ngày làm việc quan ở đất Khai Phong, có người dân là Lý Giác An sanh con còn nhỏ dại, nhân bị bịnh bèn đem 100 lạng bạc gởi Trương Huệ Minh rồi Giác An mất. Sau Huệ Minh đem bạc trả lại người con của Giác An, nhưng người con không chịu nhận. Một bên bảo vì của nên trả lại. Một bên bảo cha không có của nên không nhận. Tài phán là tòa án xét hỏi và phán quyết.*

*(5) Trần lao: Người tại gia. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Ô nhiễm gọi là trần, phiền não làm rối loạn gọi là lao".*

**6.** Ðại Giác Liên hòa thượng, lần đầu tiên du hành đến Lư Sơn**(1)**, Viên Thông Nột thiền sư**(2)** thoạt thấy, liền đem đại khí**(3)** để kỳ vọng ở người. Hoặc có kẻ nói: "Ngài căn cứ vào đâu mà biết?" Nột thiền sư đáp:"Người ấy trung chính**(4)** không nghiêng ngả, động tĩnh tôn nghiêm, lại thêm vào đó phần đạo học, làm việc ngay thẳng, nói ít mà lý chu. Phàm con người có tư bẩm như thế, ít có ai mà chẳng thành đại khí".

**Cửu Phong Tập**

*Chú:*

*(1) Lư Sơn: Núi Lư Sơn ở phía Tây Bắc phủ Nam Khang Trung Quốc.*

*(2) Viên Thông Nột: Pháp tự của Ðổng Sơn Tử Vinh thiền sư, trụ trì chùa Viên Thông Giang Châu.*

*(3) Ðại khí: Ðồ quí, ví cho người có tài năng hay làm được việc lớn.*

*(4) Trung chính: Trung nghĩa là làm đúng mức, chính là không thiên lệch.*

**7.** Năm đầu niên hiệu Hoằng Hựu thời vua Nhân Tổ**(1),** vua phái khiển sứ giả đem chiếu thư**(2)**, triệu Viên Thông Nột thiền sư trụ trì Hiếu Từ đại già lam**(3)**. Nột thiền sư cáo tật không trở dậy, phái Ðại Giác hòa thượng tiếp nhận chiếu biểu. Có người nói: "Thánh Thiên Tử sùng chuộng đạo đức, ơn gội khắp núi rừng, Ngài tại sao lại cố từ?" Nột thiền sư đáp: "Ta lạm nhập vào hàng Tăng, sự thấy nghe chưa thông suốt, may mắn được an phận ở dưới rừng, ăn rau uống nước lã, tuy là việc Phật Tổ cũng còn có chỗ làm chẳng được, huống hồ làm việc khác vậy ư". Tiên triết có nói: "Dưới chỗ đại danh**(4)** khó thể ở lâu được". Ta từ thuở bình sinh, thực hành kế tri túc, tự mình không bận vào đường danh lợi. Nếu đã chán trong nơi tâm thì ngày nào mà chả đủ. Nên Ðông Pha**(5)** thường nói: "Biết an thời vinh hiển, biết đủ thời giàu sang". Vậy nên lánh được danh thì toàn tiết, trước và sau toàn thiện; đó là những điểm sở đắc ở Viên Thông vậy.

**Hành Thực**

*Chú:*

*(1) Nhân Tổ: Vua Nhân Tôn đời nhà Tống.*

*(2) Sứ giả đem chiếu chư: Dịch ở chữ Ngân đang tiểu sứ tri lục đề xích nhất thư. Ngân đang tiểu sứ tức là chức hoạn quan hầu cận vua. Lục đề xích nhất thư, nghĩa là tờ chiếu viết vào tấm lụa màu xanh dài một thước một tấc.*

*(3) Ðại già lam: Ngôi chùa kiến trúc rộng rãi quy mô, có đông Tăng chúng cư trụ.*

*(4) Ðại danh: Danh vọng to lớn, tên tuổi lừng lẫy.*

*(5) Ðông Pha: tức Tô Ðông Pha, một văn hào Trung Quốc.*

**8.** Viên Thông Nột Hòa thượng nói: Tính mệnh của người khoèo**(1)** nhờ vào gậy, mất gậy thì bị ngã. Tính mệnh của kẻ qua đò nương vào thuyền, mất thuyền thì đắm. Phàm người ở chốn Thiền môn, tự mình không duy trì lấy đạo đức ở nội tâm, lại nương cậy vào quyền thế ở bên ngoài, mộtmai cái thế đó mất đi, đều không thế tránh khỏi cái họa khuynh đảo**(2)**.

**Lư Sơn Dã Lục**

*Chú:*

*(1) Khoèo: Bị tật què cả hai chân.*

*(2) Khuynh đảo: Nghiêng ngửa đổ vỡ.*

**9.** Viên Thông Nột thiền sư nói: Ngày xưa Bách Trượng Ðại Trí**(1)** thiền sư kiến lập Thiền môn, đặt ra qui củ**(2)** muốn cứu vãn cái tệ bất chính đời Tượng, Quý**(3**). Nào ngờ đâu, người học ở đời Tượng Quý, lại trộm qui củ để phá hoại Thiền môn của Bách Trượng. Người đời thượng cổ, tuy nằm hang ở lỗ, nhưng ai nấy đều tự đặt mình trong luật lệ. Người đại trí trở về sau, tuy thênh thang trong nhà cao cửa rộng, nhưng ai nấy đều tự bỏ mất mẫu mực. Cho nên nói: "An nguy ở đức**(4)** vậy, hưng vong ở số vậy". Nếu nương vào đức thì hà tất phải dựng ra Thiền môn, nếu bằng vào số thời cần gì phải dùng đến quy củ.

**Dã Lục**

*Chú:*

*(1) Bách Trượng Ðại Trí: Truyền Ðăng Lục quyển 6 chép: "Bách Trượng là pháp tự của Mã Tổ Ðạo Nhất tên là Hoài Hải, ở núi Bách Trượng thuộc Hàng Châu, tên hiệu là Ðại Trí, soạn bộ Bách Trượng Thanh Qui cho thiền tông".*

*(2) Qui củ: Qui là cái đồ làm hình tròn; củ là cái khuôn làm hình vuông, nên qui củ có nghĩa là luật lệ.*

*(3) Tượng, Quý: Ðức Phật tịch diệt sau 500 năm thì giáo pháp của Ngài thuộc thời Chánh pháp, sau 1000 năm là thời Tượng pháp, sau 10.000 năm là thời Mạt pháp.*

*(4) An nguy ở đức: Lời của Tấn Ðàm Tử: ‘An nguy đức dã, hưng vong số dã’. Ðức là người có đức thì chốn Thiền môn an, không có đức thì chốn Thiền môn nguy. Số là thời vận; nghĩa là an nguy ở người nhưng hưng vong ở thời vận.*

**10.** Viên Thông thiền sư bảo Ðại Giác rằng: Bậc thánh xưa kia trị tâm ở lúc chưa manh nha, ngừa tình ở lúc chưa rối loạn. Vì lẽ dự bị thời không có lo sợ. Sở dĩ làm cửa ải, điểm mõ canh**(1)** để ngừa bạo khách**(2)** mà cần phải dự bị. Vậy nên, việc gì có dự bị trước khi thực hiện thời dễ, cẩu thả thời khó. Hiền triết thời xưa kia, vì chung thân lo lắng**(3)** nên không có cái hoạn nạn bất ngờ. Chính thực là nghĩa ấy vậy.

**Cửu Phong Tập**

*Chú:*

*(1) Làm cửa ải, điểm mõ canh: Dịch ở chữ "Trùng môn kích thác", thuộc quẻ Lôi Ðịa Dự trong kinh Dịch. Quẻ này Khôn ở dưới, Chấn ở trên. Chấn có tính động, Khôn có tính thuận, hành động mà thuận hòa nên vui vẻ, vậy mới đặt tên là quẻ Dự. Dự có nghĩa là vui vẻ sung sướng. Họ Dương nói: "Sông ngòi và đường cái thông suốt, thời kẻ bạo khách sẽ qua lại dễ dàng, nên phải có kế hoạch để đề phòng. Vậy nên cần phải dự bị trước. Nghĩa là phải làm cửa ải để ngăn họ, phải điểm mõ canh để cảnh giác họ, khiến họ không có lối tự do xâm nhập. Vì hai hào âm ở trên là tượng trưng cho "trùng môn"; một hào dương ở dưới là tượng trưng cho "kích thác"; ba hào âm ở trong là tượng trưng cho "duyệt dự". Tóm lại nghĩa là có phòng bị thì được vui vẻ.*

*(2) Bạo khách: Trộm cướp.*

*(3) Chung thân lo lắng: Chung thân ưu, thiên Ly Lâu trong sách Mạnh Tử chép: "Quân tử hữu chung thân chi ưu, vô nhất triêu chi hoạn dã". Nghĩa là người quân tử suốt đời lo lắng làm sao tiến kịp với thánh hiền, nên không có cái tai họa bất ngờ đưa lại.*

**11.** Ðại Giác Liên hòa thượng nói: Ngọc chẳng dũa thời không thành đồ dùng, người chẳng học thời không biết đạo lý. Nay sở dĩ biết được xưa**(1)**, sau sở dĩ biết được trước. Ðiều thiện thì đáng được bắt chước, điều ác thì lấy giới làm răn. Các bậc tiền bối nối tiếp nhau lập thân dương danh ở đương thời, ít có ai chẳng nương vào học vấn mà thành tựu.

**Cửu Phong Tập**

*Chú:*

*(1) Nay sở dĩ biết được xưa: Trong tờ Thực Lục Biểu Trạng của Hàn Dũ dâng vua Thuận Tôn hoàng đế có câu: "Kim chi sở dĩ tri cổ, hậu chi sở dĩ tri kim, bất khả khẩu truyền, tất bằng chư sử". Nghĩa là ngày nay sở dĩ biết được việc xưa kia, sau sở dĩ biết được việc ngày nay, không thể bằng ở khẩu truyền, tất nhiên phải y cứ vào sử sách".*

**12.** Ðại Giác hòa thượng nói: Cái lý của diệu đạo**(1)**, Thánh nhân thường ngụ ở Dịch**(2)**. Ðời nhà Chu suy, thời pháp của tiên vương hoại, lễ nghĩa mất. Sau đó những kỳ ngôn dị thuật đua nhau xuất hiện mà phong tục loạn. Kịp đến lúc đạo của Phật Thích-ca ta du nhập Trung thổ**(3)**, thuần đem Ðệ nhất nghĩa đế**(4)** để dạy đời, trước sau thuyết giáo đều lấy Từ bi để tiếp hóa quần sanh, đó cũng chỉ là tùy theo ở thời thế vậy. Từ lúc có sinh dân trở lại, tính thuần phác chưa tan, thời cái giáo của Tam Hoàng**(5)** giản dị mà tố phác, đó là mùa Xuân vậy. Ðến lúc tâm tình mỗi ngày một mỏng, cái giáo của Ngũ Ðế**(6)** tường tận mà văn vẻ, đó là mùa Hạ. Thời cùng thế khác nhau, tình cũng theo đó mà ngày một thay đổi, nên cái giáo của Tam Vương**(7)** mật mà nghiêm, đó là mùa Thu. Các bài Cáo, Thệ**(8)** của Thương, Chu xưa kia, người học ở đời sau cũng còn chẳng hiểu, thế nhưng dân đương thời nghe theo mà không trái. Nếu đem so sánh thời biết cái phong tục giữa xưa và nay như thế nào rồi vậy! Cho đến đời nhà Tần, nhà Hán, thời cái tệ đó thật quá sâu rộng, đến nỗi người trong thiên hạ có chỗ chẳng còn muốn nghe. Bởi thế đức Phật Như Lai ta xét sự kiện ấy mà dạy cho cái lý tính mệnh**(9)**, đó là mùa Ðông vậy. Trời có bốn mùa tuần hoàn để sanh thành vạn vật. Thánh nhân đặt ra giáo lý phù trì lẫn cho nhau để hóa thành thiên hạ, cũng chỉ bởi thế thôi. Nhưng cái gì đã đến chỗ cùng cực, thời không thể tránh khỏi cái tệ thoái trào, cái tệ đó chính là dấu vết vậy. Cho nên lại cần có những bậc Hiền thánh xuất hiện ở đời để cứu cái tệ đó. Từ nhà Tần, nhà Hán trở lại, trải qua hàng ngàn năm, phong tục bời bời ngày càng phai lạt. Giáo lý của Thánh nhân thì phân liệt, rồi đua nhau thiết lập, chê trách lẫn nhau, không thể nào trở lại được đạo lớn mênh mang, thực đáng tiếc vậy.

**Thư đáp Thị Lang Tôn Tân Lão(10)**

*Chú:*

*(1) Lý diệu đạo: Cái chân lý đạo lớn thật nhiệm mầu.*

*(2) Thánh nhân thường ngụ ở Dịch: Hệ Từ Thượng Truyện trong kinh Dịch chép: "Xem trời cao đất thấp mà định được càn khôn, bày rõ được cao thấp, định ngay được tốt xấu. Ðộng tịnh có thói thường, mà phán đoán được cương nhu. Tùy mỗi nhóm để hợp thành từng loài, tùy mỗi vật để chia thành từng nhóm, nhân đó mà sinh ra cát hung. Xem ở trời mà thành ra vô số tượng, xem ở đất mà thấy được vô số hình, nhân thế mà thấy quái hào trong Dịch âm biến ra dương, dương hóa ra âm. Vì thế cương nhu cùng mài sát lẫn nhau mà thành ra tám quẻ, rồi tám quẻ lại luân chuyển mà thành những quẻ khác.*

*(3) Trung thổ: Trung quốc, nước Tàu.*

*(4) Ðệ nhất nghĩa đế: Tiếng Phạn là Para martha-satya. Tàu dịch là Ðệ nhất nghĩa đế, hoặc gọi là chân đế, hay Thánh đế có nghĩa là chân lý xác thực thứ nhất. Cũng còn gọi là Niết-bàn, chân như, thực tướng, trung đạo, pháp giới...*

*(5) Tam Hoàng: Ba đời vua xưa kia ở bên Tàu: Thái Hạo, Viêm Ðế và Hoàng Ðế.*

*(6) Ngũ Ðế: Năm đời vua xưa kia ở bên Tàu: Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Ðế, Ðường Nghiêu, Ngu Thuấn.*

*(7) Tam Vương: Nhà Hạ, Ân, Chu.*

*(8) Cáo, Thệ: Cáo là lời bố cáo hiểu dụ cho dân chúng trong thiên hạ. Thệ là những bài hịch tuyên đọc trước tướng sĩ để răn trước những hình phạt theo quân lệnh.*

*(9) Cái lý tính mệnh: Thuyết quái truyện trong kinh Dịch chép: "Tích giả Thánh nhân chi tác Dịch giả, tương dĩ thuận tính mệnh chi lý". Nghĩa là Thánh nhân sở dĩ làm ra Dịch là chỉ muốn thuận theo cái lý của tính mệnh". Vì lý tính mệnh có cả Thiên đạo, nhân đạo và địa đạo.*

*(10) Thị Lang Tôn Tân Lão: Thị Lang là tên một chức quan. Tôn Tân làm quan Thị lang đời Tống, tên là Giác, tên chữ là Tôn Tân Lão, người đất Cao Bưu.*

**13.** Ðại Giác hòa thượng nói: Ôi! Người làm chủ ở một phương muốn thực hành chỗ sở đắc để lợi người, thời trước hết phải nên khắc kỷ**(1)**, khoan dung với người, để tâm đến hết thảy. Vậy sau coi vàng lụa như phân đất, thời được bốn chúng**(2)** tôn sùng và quy thuận.

**Tờ gởi Cửu Tiên Hủ hòa thượng**

*Chú:*

*(1) Khắc kỷ: Chế ngự cái thị hiếu của mình.*

*(2) Bốn chúng: Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.*

**14.** Ðại Giác nói: Bậc tiền bối có tư chất thông minh, không có cái lo sợ phần an nguy. Như hai sự việc của Thông Thiền Sư chùa Thạch Môn**(1)**, Thuấn Lão Phu chùa Thê Hiền**(2)** cũng lấy đó làm răn vậy. Vẫn biết định nghiệp của kiếp người**(3)** rất khó mà biện minh, nhưng xét kỹ ở nguyên nhân thời sao lại không biết được cái lỗi cẩu thả chẳng suy nghĩ đấy ư? Vậy nên có câu: "Cái họa hoạn nó ẩn náu ở chỗ vi tế, rồi bộc phát ra từ cái chỗ bất cẩn của con người". Lấy đó mà suy xét thời càng phải nên cẩn thận sợ hãi.

**Cửu Phong Tập**

*Chú:*

*(1) Thông thiền sư chùa Thạch Môn: Chính tên là Thông Uẩn thiền sư trong năm niên hiệu Hàm Bình, trụ trì chùa Thạch Môn, vì có sự tương tranh với quan Thái thú ở Tương Châu, nên bị cái nhục đánh đòn.*

*(2) Thuấn Lão Phu chùa Thê Hiền: Thuấn Lão Phu vì có tư oán với quan Hòe Ðô, nên đã bị bức bách phải hoàn tục mất hơn nửa năm trời.*

*(3) Ðịnh nghiệp: Tội nghiệp đã ước định từ trước. Nhưng thực sự, nghiệp là tự mình tạo ra nên mình phải chịu lấy quả báo.*

**15.** Vân Cư Thuấn hòa thượng,tên chữ là Lão Phu, ngày còn trụ trì chùa Thê Hiền ở Lư Sơn, vì có mối tư oán với quan quận thú Hòe Ðô, nên bị cưỡng bách phải hoàn tục. Ngài sau đó tới kinh đô thăm Ðại Giác Hòa thượng, khi đến đất Sơ Dương**(1)**, bị tuyết làm ngăn trở, nên phải ở trọ một lữ quán**(2)**. Vào một buổi chiều, có một người khách đem theo hai người hầu phá con đường tuyết mà tới, chợt thấy Lão Phu như là người quen biết cũ. Rồi ông khách thay áo tới trước thi lễ. Lão Phu liền hỏi nguyên do. Người khách đáp: "Tôi trước thường theo hầu thầy ở Ðổng Sơn, tên là Cán Bộc Tống Vinh ở Hán Dương vậy". Người khách cùng với Lão Phu cùng nhau kể chuyện cũ tới khuya. Sáng hôm sau người khách lại làm cơm thết đãi, tặng Lão Phu năm lạng, còn gọi một người hầu tới. Rồi người khách nói: "Ðứa trẻ này thường hay lui tới chốn kinh thành, biết tất cả đoạn đường gian nan nguy hiểm, nay cho đi đưa đường, xin thầy an tâm chớ lo ngại". Vì thế mà Lão Phu tới được chốn Kinh thành**(3)**. Xét như vậy thì cái lợi ích về chỗ quen biết xưa kia của hai người thật là thắm thiết.

**Cửu Phong Tập**

*Chú:*

*(1) Sơn Dương: Thuộc Sở Châu.*

*(2) Lữ quán: Quán trọ. Ngày xưa dùng chữ lữ tể. Tể có nghĩa là đi đến và trở về. Ngày nay dùng chữ lữ thay cho chữ tể. Theo chế độ nhà Hán, nơi quán trọ ở các quận, huyện thì gọi là "xá", ở chốn kinh đô gọi là "tể", nay đều gọi là lữ quán.*

*(3) Kinh thành: Dịch từ chữ Liễn hạ. Là loại xe riêng cho các vua chúa ngồi,vì thế chữ Liễn hạ là ám chỉ cho chốn kinh thành.*

**16.** Ðại Giác nói: Thuấn Lão Phu phú tinh thì giản dị và trung thực, không biết mọi việc quyền hành**(1)** hóa thực. Hằng ngày có định khóa, từng không thay đổi thời khắc nào, tuy là những việc thắp đèn quét đất cũng đều tự mình làm lấy. Ngài thường nói: "Cổ nhân đều có răn dạy một ngày chẳng làm thời một ngày chẳng ăn**(2)**. Vậy ta là người thế nào vậy?". Ta tuy tuổi đã già, nhưng chí đó cần phải bền chắc. Hoặc có người nói: "Tại sao không sai khiến người thân cận". Lão Phu nói: "Bạt thiệp nóng lạnh, đứng ngồi bất thường, nên chẳng muốn phiền nhọc họ".

*Chú:*

*(1) Quyền hành hóa thực: Quyền hành là quả cân để đo lường nặng nhẹ. Hóa thực nghĩa là kinh doanh buôn bán, ý nói làm việc mà biết cân nhắc lựa chọn thì gọi là quyền hành hóa thực.*

*(2) Một ngày chẳng làm thời một ngày chẳng ăn: Lời răn của Bách Trượng Ðại Trí thiền sư.*

**17.** Thuấn Lão Phu nói: Truyền trì đạo pháp, quý nhất ở chỗ chân thật với hết thảy. Phân biệt điều tà chính, gạt bỏ mọi vọng tình, đó là cái thật trị tâm. Biết nhân quả rõ tội phúc, đó là cái thật tháo lý **(1)**. Hoằng đạo đức, tiếp thập phương lui tới, đó là cái thật của trụ trì. Lượng tài năng, giao phó việc, đó là cái thật dùng người. Xét ngôn và hành, quyết định nên hay không nên, đó là cái thật cầu hiền. Nếu không giữ lòng thành thật, chỉ chuộng lừa dối hư danh, đối với đạo lý thời chẳng có lợi ích gì. Vậy nên cái tháo lý của con người, cần nhất ở chỗ thành thật. Nếu cứ giữ một mực như thế không biến đổi, thì dù rằng việc di hiểm**(2)** đến đâu cũng có thể nhất chí được.

**Hai việc trên ở Thản Nhiên Am tập**

*Chú:*

*(1) Tháo lý: Giữ gìn tiết tháo trong sạch ở những công việc làm hằng ngày.*

*(2) Di hiểm nhất chí: Giữ cho bình tĩnh ở trường hợp bình thường cũng như lúc nguy hiểm.*

**18.** Thuấn Lão Phu bảo Viễn Lục Công**(1)** ở núi Phù Sơn: Nếu muốn nghiên cứu diệu đạo vô thượng,thì khi cùng cần phải bền**(2)**, khi già cần phải gắng, không nên noi theo thế tục, đua chen thanh lợi để bỏ mất đức lớn. Ôi! Ngọc quý tiêu biểu ở chỗ nhuận khiết, nên dù màu son tía cũng chẳng hay phai được chất. Tùng cội tiêu biểu ở chỗ tuế hàn**(3)**, nên dù sương tuyết cũng chẳng hay mất tiết tháo. Thế nên biết, tiết nghĩa là điều lớn trong thiên hạ. Duy cái chỗ tiết tháo của ông đáng chuộng nên ông cần phải tự cường. Cổ nhân nói: "Một cánh chim liệng vút trên cao thật chẳng dễ bì, làn gió mạnh xé tung bầu trời thật không sánh kịp. Nên ta cần phải như thế vậy".

**Quảng Lục**

*Chú:*

*(1) Viễn Lục Công: Chính tên là Pháp Viễn Viên Giám thiền sư, người đất Trịnh Châu. Vì trước là con quan đầu huyện Tân Diệp, thông hiểu về việc xử trị dân, nên đời gọi là Viễn Lục Công.*

*(2) Cùng cần phải bền: Dịch ở chữ cùng tắc ích kiên. Truyện Mã Viện đời Hậu Hán chép: "Trượng phu vi chí, cùng đương ích kiên, lão đương ích tráng.*

*(3) Tuế hàn: Năm cực rét, Tùng, Trúc, Mai gọi là "Tuế hàn tam hữu".*

**19.** Phù Sơn Viễn hòa thượng nói: Cổ nhân tìm thầy chọn bạn, sớm tối không dám lười biếng, đến những việc như thổi cơm giả gạo cũng vẫn âm thầm chịu đựng, chưa từng tỏ vẻ e ngại vất vả. Ta khi ở Diệp Huyện**(1)** đã từng trải những công việc đó. Nhưng có một điều, nếu tâm mình đoái đến lợi hại, so sánh hơn thua, thời y nhiên sa đọa vào lỗi lầm**(2)** không hợp với đạo lý**(3)**. Vậy, nếu thân đã bất chính thì sao hay học đạo được ư.

**Pháp Ngữ của Nhạc thị giả(4)**

*Chú:*

*(1) Diệp Huyện: Chỉ vào Qui Tỉnh thiền sư ở Viện Quảng Giáo thuộc Diệp Huyện.*

*(2) Sa đọa vào lỗi lầm: Dịch ở chữ Y vi, có nghĩa là mưu làm điều thiện thì không thành, rồi lại y vào điều bất thiện mà thành.*

*(3) Không hợp với đạo lý: Dịch ở chữ Cô tức. Cô nghĩa là đàn bà, tức nghĩa là trẻ con, ý nói tâm bị lạc vào thủ đoạn cẩu thả thấp hèn, không phù hợp với đạo lý. Sách Lễ Ký chép: "Quân tử ái nhân dã dĩ đức, tiểu nhân chi ái nhân dã chi cô tức" (thương yêu người bởi nỗi nhường nhịn tạm thời).*

*(4) Nhạc thị giả: Pháp tự của Phù Sơn Viễn hòa thượng.*

**20.** Viễn Công nói: Ôi! Trong khoảng trời đất, thật có những vật sinh trưởng rất dễ dàng**(1)**, nếu thời tiết cứ một ngày ấm mà mười ngày rét, thời cũng không thể nào hay sinh được. Diệu đạo vô thượng tỏ rõ ngay trong tâm trước mắt, vì thế nên không phải là điều khó thấy. Chỉ cần nơi bền chắc của chí, chỗ tận lực của hành, thì ngay lúc đứng hay ngồi cũng hay tới được. Giả hoặc, một ngày thì tin rồi mười ngày lại ngờ vực, sớm thì siêng mà chiều lại chán nản, há phải chỉ những việc ngay trước mắt khó thấy, mà ta sợ suốt đời còn trái với diệu đạo vậy.

**Thư gởi Vân thủ tọa.**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này trích trong thiên Cáo Từ sách Mạnh Tử: "Tuy hữu thiên hạ dị sinh chi vật dã, nhất nhật bộc chi thập nhật hàn chi, vị hữu năng giả dã".*

**21.** Viễn Công nói: Cái yếu vụ của trụ trì trước hết phải xét phần thủ xả**(1)**. Chỗ cùng cực của thủ xả định ở bên trong thời cái mầm mống an nguy định ở bên ngoài. An chẳng phải cái an ở một ngày, nguy chẳng phải cái nguy ở một ngày, mà nó đều chứa góp dần dần, nên không thể không xét nét cẩn thận. Nếu lấy đạo đức trụ trì thì tích phần đạo đức, lấy lễ nghĩa trụ trì thì tích phần lễ nghĩa. Lấy oán bốc lột trụ trì thì tích phần oán hận. Tích oán hận thời trong ngoài lìa tan, tích lễ nghĩa thì trong ngoài hòa vui, tích đạo đức thời trong ngoài cảm phục. Vì thế, thấm nhuần đạo đức lễ nghĩa thời trong ngoài vui vẻ, bốc lột oán hận cùng cực thời trong ngoài đau thuơng. Ôi! Cái cảm của vui buồn, tất sẽ ứng với họa phúc vậy.

*Chú:*

*(1) Thủ xả: Viết tắt ở chữ thủ thiện xả ác.*

**22.** Viễn Công nói: Trụ trì có ba điểm cần thiết là Nhân, Minh, Dũng**(1)**. Nhân nghĩa là thực hành đạo đức, phát triển việc giáo hóa, an trên dưới, làm đẹp lòng người đi kẻ lại. Minh là giữ lễ nghĩa, biết an nguy, xét hiền ngu, biện phải trái. Dũng nghĩa là phải quả cảm với công việc, trừ người gian, bỏ kẻ nịnh. Nhân mà không có minh, như người có ruộng chẳng cày. Minh mà không có dũng, như có lúa non chẳng làm cỏ. Dũng mà chẳng có nhân, cũng như chỉ biết cắt cỏ mà chẳng biết gieo hạt giống. Ba điểm thiết yếu như trên mà đầy đủ, thời chốn Thiền môn hưng thịnh, thiếu một thời suy, thiếu hai thời nguy, thiếu tất cả thời cái đạo của trụ trì tất hỏng vậy.

**Hai việc trên là thư gởi cho Tịnh Nhân Trăn hòa thượng(2)**

*Chú:*

*(1) Ba điểm cần thiết: Dịch ở chữ Tam Yếu, tức là ba điểm cần thiết của việc tu tâm luyện tánh. Lời của Tư Mã Quang trong văn sớ dâng Nhân Tôn Hoàng Ðế có nóiđến ba yếu tố: "Viết Nhân, viết Minh, viết Dũng". Viễn Công hòa thượng mượn lời này để làm ba yếu điểm của ngôi trụ trì.*

*(2) Tịnh Nhân Trăn Hòa Thượng: Pháp tự của Phù Sơn Viễn thiền sư.*

**23.** Viễn Công nói: Người trí kẻ ngu, người hiền kẻ bất tiếu, cũng như nước với lửa không thể cùng chung một đồ vật**(1)**, như lạnh với nóng không thể đến cùng một thời. Nếu chia chẻ cho rõ ràng, kẻ trí hiền sĩ thì thuần ý đoan hậu**(2)**, lấy đạo đức nhân nghĩa làm mưu kế, phát ra một lời nói, hay làm một công việc, chỉ sợ chẳng hợp với nhân tình, chẳng thông với lý của sự vật. Kẻ bất tiếu thì gian hiểm, dối trá, nịnh bợ, cậy mình khoe hay, ham danh trục lợi, chẳng đoái tới hết thảy. Nếu chốn Thiền lâm được người hiền thời lấy đạo đức làm bản vị tu hành, lấy cương kỷ**(3)** làm mẫu mực, pháp tịch cũng do đó mà thành. Nếu không may gặp kẻ bất tiếu, thì chỉ làm cho rối quần loạn chúng, gây cho trong ngoài không yên, dầu là đại trí lễ pháp, cũng không thể đem ra thi thố được. Người trí kẻ ngu, người hiền kẻ bất tiếu, hơn kém là như thế, nên cần phải lựa chọn cẩn thận.

**Thư gởi Huệ Lực Phương hòa thượng(4)**

*Chú:*

*(1) Nước với lửa không thể cùng chung một đồ vật: Trích câu của Hàn Phi Tử: "Phù thủy thán bất đồng khí nhi cửu, hàn thử bất kiêm thời nhi chí".*

*(2) Thuần ý đoan hậu: Lược ở chữ thuần túy, ý mỹ, đoan nghiêm, đôn hậu.*

*(3) Cương kỷ: Trật tự và quy luật của thiền gia hay quốc gia.*

*(4) Huệ Lực Phương: Pháp tự của Phù Sơn Viễn thiền sư.*

**24.** Viễn Công nói: Người trụ trì ở ngôi trên phải nên khiêm cung**(1)** tiếp kẻ dưới. Người chấp sự ở dưới cũng phải tận tình để phụng sự trên. Trên dưới đã hòa, thời cái đạo của trụ trì thông vậy. Người ở địa vị trên mà kiêu cứ tự tôn, kẻ chấp sự ở dưới lại lười biếng, khinh nhờn tự sơ, cái tình trên dưới chẳng ăn nhịp với nhau thì cái đạo của trụ trì tất bế tắc. Cổ nhân trụ trì, khi nhàn hạ vô sự, thường cùng với học đồ thung dung nghị luận, trong bất cứ một vấn đề gì. Bởi thế, một lời nói bàn, hay nửa câu giáo hóa, đều được ghi chép vào truyện ký, để ngày nay lấy đó mà cân nhắc, là bởi cớ gì? Một là muốn khiến tình trên dưới thông hiểu lẫn nhau để đạo khỏi bị che lấp, hai là dự biết được tài năng tính nết của mỗi học đồ nên hay không để thích hợp với chỗ tiến thoái của họ, được như thế thì trên dưới tự nhiên hòa kính**(2)** gần xa đều qui phục. Thiền môn được hưng thịnh, cũng bởi lẽ đó vậy.

**Thư gởi cho Thanh Hoa Nghiêm(3)**

*Chú:*

*(1) Khiêm cung: Nhún mình xuống thấp mà kính cẩn, nói về đức tánh của người nhu hòa.*

*(2) Hòa kính: Dịch ở chữ Ung túc. Ung có nghĩa là hòa; Túc có nghĩa là kính.*

*(3) Thanh Hoa Nghiêm: Là Nghĩa Huyền thiền sư núi Ðầu Tử, pháp tự của Thái Dương Huyền thiền sư, con của Thanh xà Lý Thị, vì chỉ nghe kinh Hoa Nghiêm mà thông suốt được nghĩa lý, nên đời gọilà Thanh Hoa Nghiêm.*

**25.** Viễn Công bảo Ðạo Ngô Chân**(1)** rằng: Người học chưa thấu đáo được đạo, chỉ khoe khoang chỗ thấy nghe nông cạn, dong ruổi chỗ hiểu biết máy móc đem đầu lưỡi để biện tranh thắng, cũng chẳng khác gì như nhà xí lại sơ vẽ màu son**(2)** chỉ làm cho tăng thêm mùi xú uế vậy.

**Tây Hồ Ký Văn**

*Chú:*

*(1) Ðạo Ngô Chân: Tức Ngộ Chân thiền sư ở núi Ðạo Ngô, pháp tự của Thanh Sương Viên thiền sư, phái Nam Nhạc đời thứ 10.*

*(2) Màu son: Dịch ở chữ Ðan hoạch.*

**26.** Viễn Công bảo Diễn thủ tọa**(1)** rằng: Tâm là chủ một thân, làm gốc cho muôn hạnh. Tâm chẳng diệu ngộ thời vọng tình tự sinh, vọng tình đã sinh thời thấy lý không tỏ rõ, thấy lý chẳng tỏ rõ thì phải lầm lẫn rối loạn. Sở dĩ muốn trị tâm cần phải mong cầu diệu ngộ. Ngộ thời thân hòa, kính tĩnh, dung mạo đáng kính, sắc diện trang nghiêm, vọng tưởng tán loạn đều dong làm chân tâm. Trị tâm như thế thời tâm tự linh diệu, sau đó mới đem ra chỉ đạo cho kẻ mê lầm, thời ai lại chẳng theo chỗ giáo hóa.

**Phù Sơn Thực Lục.**

*Chú:*

*(1) Diễn Thủ Tọa: Tức Ngũ tổ Pháp Diễn thiền sư, pháp tự của Bạch Vân Thủ Ðoan thiền sư, phái Nam Nhạc đời thứ 13.*

**27.** Ngũ Tổ Hòa thượng nói: Thời nay chốn Thiền môn, những kẻ học đạo, thanh danh không được lẫy lừng, nên không được chỗ tin cậy của mọi người. Vì lẽ phạm hạnh**(1)** không thanh bạch, con người không xứng đáng. Ví hoặc chỉ muốn mong cầu lợi dưỡng cùng tiếng khen, khoe khoang bề ngoài, liền bị người thức giả chê cười. Nên biết cái yếu diệu bị che lấp, dù rằng có đạo đức như Phật Tổ, cũng bị người đời ngờ vực mà chẳng tin theo. Lũ ngươi một ngày kia nếu có trụ trì**(2)** một Tự viện nào, nên phải lấy đó làm gương mà tự gắng tiến.

**Thư Phật Giám(3) trả lời Phật Quả.**

*Chú:*

*(1) Phạm hạnh: Phạm có nghĩa là trong sạch vô dục; hạnh là hành nghiệp động tác, chỉ vào giới luật phải giữ gìn.*

*(2) Trụ trì: Dịch ở chữ "Bả mao cái đầu".*

*(3) Phật Giám: Tuệ Cần Phật Giám thiền sư, pháp tự của Ngũ Tổ Pháp Diễn.*

**28.** Sư ông**(1)** khi mới ở Dương Kỳ, nhà tranh cũ nát chỉ đủ che mưa gió. Chợt một buổi chiều, tuyết rơi đầy giường, ngủ nghỉ không yên chỗ. Có một nột tử thành kính phát nguyện tu bổ. Sư ông khước từ và nói: "Ðức Phật ta có dạy, đương lúc kiếp giảm này, ngàn cao hang sâu, biến đổi bất thường, tự mình sao thoả mãn được chỗ xứng ý. Lũ ngươi, người xuất gia học đạo, buông tay chân chưa ổn đã ngoài năm mươi tuổi rồi, đâu lại có thì giờ nhàn rỗi để sửa sang nhà cửa lộng lẫy vậy ư!". Cuối cùng Sư ông không ưng thuận, ngày hôm sau thăng tòa nói: "Dương Kỳ tạm trú nếp nhà xiêu, đầy giường tuyết phủ tựa chân châu, co gối rụt đầu nằm nhớ nghĩ, dưới cây người trước ngủ không lều".

**Quảng Lục**

*Chú:*

*(1) Sư Ông: Chỉ vào Phương Hội thiền sư núi Dương Kỳ, pháp tự của Từ Minh Viên thiền sư, phái Nam Nhạc đời thứ 10.*

**29.** Diễn Tổ nói: Người nột tử**(1)** giữ tâm thành**(2)** phụng giới luật, ngày đêm thường nhớ nghĩ, sớm tối thực hành theo. Thực hành không vượt nghĩ, nghĩ không vượt thực hành. Có ở trước tất thành ở sau. Như người cày ruộng có bờ thì lỗi đó ít vậy.

*Chú:*

*(1) Nột(nạp) tử: Người xuất gia.*

*(2) Tâm thành: Lời ngạn ngữ nhà Chu: Tâm của quần chúng là bức thành kiên cố.*

**30.** Diễn Tổ nói: Thiền môn là nơi hun đúc Thánh Hiền, nơi dưỡng dục tài khí, nơi phát xuất sự giáo hóa. Tuy là chỗ quần cư loại tụ, nhưng việc thống lĩnh để tề chỉnh thì đều có sư thừa**(1)**. Ðời nay các nơi không tuân thủ pháp độ của tiên Thánh, phần nhiều thiên tình yêu ghét, lấy mình làm cách vật**(2)**, còn biết lấy gì để kẻ nối nghiệp sau bắt chước.

**Hai việc trên ở Thản Nhiên Tập.**

*Chú:*

*(1) Sư thừa: Sư đệ truyền thừa, thầy truyền pháp cho đệ tử.*

*(2) Cách vật: Làm thay đổi sự vật, ý nói con người tài giỏi.*

**31.** Diễn Tỗ nói: Truyền đạo lợi sinh, cần ở chỗ lựa chọn được người, mà biết người lại là một việc rất khó, đến ngay như bậc Thánh triết cũng còn lấy đó làm lo. Nghe lời nói của người nhưng chưa bảo chứng được hành vi, tìm biết được hành vi lại sợ bỏ sót mất tài năng của họ. Nếu trước đây không phải là người mà mình đã từng giao du, tường tận được mọi nguồn, khám phá được chí hành của họ, hiểu rõ được khí năng của họ, rồi sau cùng còn biết được cả chỗ giữ đạo cùng chỗ ẩn tàng cái diệu dụng của họ. Còn những kẻ chỉ mua danh trang sức hình thức bề ngoài, thì phần ngụy tạo đó vẫn không thể dung thứ được, dù là chỗ kín đáo đến đâu cũng thấy được uyên nguyên. Ôi! Cái lý của xét rõ nghe tường, cố nhiên không phải công việc của một sớm một chiều hay làm nổi. Sở dĩ, Nam Nhạc Nhượng**(1)** sau khi thấy Ðại Giám**(2)**, còn đích thân chấp tác thị giả mười lăm thu. Khi Mã Tổ**(3)** thấy Nam Nhạc Nhượng, cũng còn theo hầu hơn mười năm. Thế nên biết sự trao truyền thụ mệnh của tiên Thánh, quả thật không vội vã thiển cận ở chỗ truyền tri. Cũng như một chậu nước**(4)** truyền qua một chậu nước, mới hay nối tiếp được hồng qui**(5)**. Coi như việc đương gia chủng thảo**(6)** lại cần phải suy nghiệm cái lý xét kỹ nghe tường này, có đâu lại dung cho kẻ sảo ngôn lệnh sắc, hẹp hòi phỉnh nịnh mà được sung tuyển vào chức đó vậy thay.

**Thư gởi Viên Ngộ(7)**

*Chú:*

*(1) Nam Nhạc Nhượng: Nam Nhạc Hoài Nhượng thiền sư, pháp tự của Ðại Giám thiền sư.*

*(2) Ðại Giám: Lục Tổ Huệ Năng Ðại Giám thiền sư, pháp tự của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đại sư.*

*(3) Mã Tổ: Mã Tổ Ðạo Nhất thiền sư, pháp tự của Nam Nhạc Nhượng thiền sư.*

*(4) Một chậu nước: Trong kinh nói: "Ngài A-nan lãnh tụ Phật pháp, như đem nước ở một cái bình truyền sang một đồ khác, không còn một giọt nước thừa,đồ đựng nước tuy khác, nhưng nước vẫn y nguyên không thay đổi".*

*(5) Hồng qui: tức đại pháp.*

*(6) Ðương gia chủng thảo: Lựa chọn người kế vị chốn Thiền môn.*

*(7) Viên Ngộ: tức Khắc Cần Phật Quả thiền sư, pháp tử của Ngũ Tổ Diễn thiền sư.*

**32.** Diễn Tổ nói: Việc lớn của trụ trì ở "Huệ và Ðức", phải đầy đủ cả hai phương diện, không thể bỏ thiếu một. Có ơn huệ mà không có đạo đức thời người chẳng kính, có đức mà không có ơn thời người chẳng nhớ. Nếu biết làm ơn tất có sự mong nhớ, lại thêm có đức để cùng giúp lẫn nhau, thời cái ơn đã tỏa ra, tất đủ để an trên dưới, dụ dẫn bốn phương. Nếu thấy đức là đáng kính, lại thêm vào đó ơn để giúp lẫn nhau, thời cái đức sẵn có đủ để nối dõi bậc tiên giác, chỉ đạo kẻ ngu mê. Cho nên người khéo trụ trì phải nuôi đức để làm ơn huệ, tuyên ơn huệ để giữ đạo đức. Ðức mà hay nuôi thời chẳng khuất, ơn mà hay làm thời có ân. Bởi thế đức và ơn cùng súc tích, ơn và đức cùng thực hành với nhau, như thế thời đức chẳng cần phải tu, mà được sự kính mến ngang với Phật Tổ, ơn chẳng cần thực thi mà được nhớ như là cha mẹ. Vậy nên, những kẻ có chí với đạo khắp chốn hồ hải**(1)**, ai là chẳng qui tụ. Người trụ trì truyền đạo đức, phục hưng giáo hóa, nếu chẳng rõ điều cốt yếu này, thời không thể thi thố trọn vẹn được.

**Thư gởi Phật Nhãn(2)**

*Chú:*

*(1) Hồ hải: Tức ngũ hồ tứ hải, ý nói khắp trong thiên hạ.*

*(2) Phật Nhãn: Thanh Viễn Phật Nhãn thiền sư, pháp tự của Ngũ Tổ Pháp Diễn thiền sư.*

**33.** Diễn Tổ từ Hải Hội dời về Ðông Sơn, Thái Bình Phật Giám và Long Môn Phật Nhãn, hai Ngài cùng đến Ðông Sơn yết kiến. Tổ cho tập hợp các vị chủ sự kỳ cựu, và chỉnh bị đầy đủ trà nước cho cuộc dạ thoại. Tổ hỏi Phật Giám: "Ở Thư Châu được mùa không?". Trả lời: "Ðược mùa". Tổ hỏi: "Ở Thái Bình được mùa không?". Thưa rằng: "Ðược mùa". Tổ hỏi: "Các trang trại cùng nhau thu lúa được nhiều ít ra sao?". Phật Giám tính toán suy nghĩ. Tổ nghiêm sắc mặt lớn tiếng nói: "Ông lạm dụng làm chủ một ngôi chùa, thì công việc bất cứ lớn hay nhỏ đều phải để tâm cho cùng hết. Sự kết toán hàng năm trong chốn thường trụ là việc tối quan hệ đến đại chúng mà ông còn chẳng biết, nữa là những việc nhỏ nhặt khác thì biết sao đặng. Người chấp sự trong chốn sơn môn cần phải biết nhân biết quả, phải như việc Sư ông**(1)** giúp đở Từ Minh**(2)** Tổ sư vậy. Ông sao chẳng nghĩ đến của cải của thường trụ nặng như núi hay sao". Tuy Diễn Tổ nói ra chỉ là những cơ biện tầm thường nhưng ý nghĩa lại rất cao xa sắc bén mà Phật Giám đã giữ lễ của người đệ tử, nên sự ứng đối khoan thai mới đưa đến như thế này. Cổ nhân có nói: "Thầy nghiêm thì cái đạo của học vấn sau mới tôn". Nên con cháu môn đệ của Ðông Sơn, xuất hiện nhiều người hiền đức siêu việt, thật là nguồn đã xa mà dòng lại dài vậy.

**Thư của Cảnh Long Học(3) gởi Cao Am(4)**

*Chú:*

*(1) Sư ông: Chỉ vào Dương Kỳ Phương Hội thiền sư.*

*(2) Từ Minh: Hiệu là Tây Hà Sư Tử, pháp tự của Phần Dương Thiện Chiêu thiền sư.*

*(3) Cảnh Long Học: Cảnh cũng gọi là Nam Trọng, người phủ Khai Phong.*

*(4) Cao Am: Tức Cao Am Thiện Ngộ thiền sư, pháptự của Phật Nhãn Viễn thiền sư.*

**34.** Diễn Tổ**(1)** thấy một nột tử ai là người có tiết nghĩa, có thể lập thân được, ở trong chốn trượng đường dù họ có nghiêm nghị khuôn phép Tổ cũng không hề ban lời khen thưởng hay sắc mặt yêu thương, mà Tổ chỉ xét đến những kẻ thiên tà xiểm nịnh, những chỗ làm hèn mạt không thể dạy bảo được của họ, lại tặng lời trìu mến trọng hậu hơn. Người đời đều không thể lường được việc này. Ôi! Ðó chính là chỗ thủ xả của Tổ đã sẵn có đường lối vậy.

**Cảnh Long Học bạt Pháp ngữ.**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này ý nói về nghĩa tiếp dẫn đồ chúng của các bậc Tông tượng nên ta không thể đem phàm kiến mà lường.*

**35.** Diễn Tổ**(1)** nói: Cổ nhân thích nghe cái lỗi lầm của mình, mừng chỗ mình đã làm được điều thiện, thường bao dung kẻ hãm hại mình, hậu đãi kẻ ẩn chứa điều ác với mình. Khiêm nhường để chơi với bạn, siêng năng để giúp đở chúng, chẳng lấy chỗ được mất mà sinh hai lòng, nên ánh sáng rực rỡ chiếu vở khắp cả xưa và nay vậy.

**Thư đáp Linh Nguyên(2)**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này chỉ rõ nơi nội tâm vị đạo của cổ nhân không bị ngoại cảnh làm thay đổi.*

*(2) Linh Nguyên: Hoàng Long Linh Nguyên Duy Thanh thiền sư, pháp tự của Hoàng Long Tâm thiền sư.*

**36.** Diễn Tổ bảo Phật Giám rằng: Cái yếu của trụ trì, phần cư xử đối với chúng quí ở chỗ đầy đặn, đối với mình cần ở chỗ giản ước, các việc lặt vặt đều chớ nên quan tâm. Dùng người cần phải cẩn thận nơi thành thật, lời nói cần phải lựa chọn thận trọng. Lời nói thận trọng thời người chủ tự tôn, xét người thành thật thời tâm của mọi người tự cảm. Tôn thời chẳng phải nghiêm nghị mà chúng phục, cảm thời chẳng cần ra lệnh mà việc thành. Như thế thời tự nhiên kẻ hiền người ngu đều thông suốt trong lòng, kẻ lớn người nhỏ đều phấn khởi hết sức. Còn như việc đem thế lực để duy trì, lấy quát mắng để bức bách, làm cho họ phải tuân theo một cách bất đắc dĩ, nếu đem ví với trên thì xa cách nhau gấp muôn lần vậy.

**Thư gởi cho Phật Giám thấy ở Nhật Lục của Thiềm thị giả.**

**37.** Diễn Tổ bảo Quách Công Phụ**(1)** rằng: Tính tình con người bất thường, biến đổi từng ngày Phật pháp tự cổ lai, tuy có lúc thịnh lúc suy, nhưng cái lý thịnh suy đó, cũng đều do sự giáo hóa gây nên. Xưa kia Giang Tây**(2)** và Nam Nhạc**(3)**, việc hoằng hóa của các Tổ thì đem thuần phong để quạt mát, đem thanh tịnh để tiết chế, đem đạo đức để trang bị, đem lễ nghĩa để dạy bảo, khiến cho người học thu thập được phần lợi ích ở chỗ thấy nghe mà lấp được tà ác, tuyệt được thị dục, quên được lợi dưỡng. Thế nên, hàng ngày họ gần điều hay xa điều lỗi, đạo được thành tựu, đức được đầy đủ mà không tự biết. Con người đời nay không kịp con người đời xưa thật quá xa vậy. Nếu muốn tham cứu đạo mầu này, nên phải bền chí chớ thay đổi, lấy chỗ liễu ngộ làm kỳ hạn, rồi sau những điều họa hoạn hay được mất mới đổ tại tạo vật**(4)**. Nếu điều đó không thể tránh khỏi thì cũng chẳng nên can dự vào phần lo lắng cho đạo chẳng thành, mà lại chẳng làm vậy ư? Hễ có một mảy may mối lo sợ manh nha nơi nội tâm, thời chẳng những riêng đời này chẳng liễu ngộ, mà đến ngàn đời vạn kiếp sau cũng không có cái thời cơ thành tựu được.

**Thản Nhiên Am Tập.**

*Chú:*

*(1) Quách Công Phụ: Tên là Ðề hình Quách Tường Chinh, tên chữ là Công Phụ, hiệu là Tịnh Không cư sĩ, pháp tự của Bạch Vân Thủ Ðoan thiền sư.*

*(2) Giang Tây: Tức Giang Tây Ðạo Nhất thiền sư (Mã Tổ), pháp tự của Nam Nhạc Nhượng thiền sư.*

*(3) Nam Nhạc Nhượng thiền sư: Pháp tự của Lục Tổ Huệ Năng.*

*(4) Tạo vật: Trạng thái tự nhiên của trời đất.*

**38.** Công Phụ từ Ðương Ðồ**(1)** qua sông, tới thăm Bạch Vân Ðoan hòa thượng**(2)** ở Hải Hội. Bạch Vân hỏi: "Trâu của ông đã thuần chưa?". Ông đáp: "Thuần rồi". Bạch Vân liền quát mắng, ông khoanh tay đứng. Bạch Vân nói: "Thuần rồi, thuần rồi!". Việc này cũng giống như Nam Tuyền**(3)** và Ðại Qui**(4)** không khác. Rồi lại tặng bài kệ rằng: "Trâu lại trong núi, đủ nước đủ cỏ, trâu ra khỏi núi, húc đông húc tây". Lại nói: "Bậc thượng đại nhân**(5)** dạy ba trăm học trò, khá biết lễ vậy".

**Hành Trạng**

*Chú:*

*(1) Ðương Ðồ: Xưa kia là huyện Ðan Dương thời Hán, đến đời Tống đổi là châu Thái Bình.*

*(2) Bạch Vân: Tức Bạch Vân Thủ Ðoan thiền sư, pháp tự của Dương Kỳ Phương Hội thiền sư, phái Nam Nhạc đời thứ 12.*

*(3) Nam Tuyền: Nam Tuyền Phổ Nguyện thiền sư, pháp tự của Ðạo Nhất thiền sư. Thuận Thế Ðệ Nhất Tọa hỏi Tuyền: "Thầy sau trăm năm sẽ đi về đâu?". Tuyền trả lời: "Con trâu dưới núi".*

*(4) Ðại Qui: Tức Qui Sơn Linh Hựu thiền sư, pháp tự của Bách Trượng thiền sư. Qui Sơn thượng đường bảo chúng: "Lão Tăng sau trăm năm sẽ hướng về phía chân núi làm con trâu nước" (ý nói tâm đã thuần thực).*

*(5) Bậc thượng đại nhân: Bậc Thánh nhân đời Thượng cổ (tức Khổng Tử), giáo hóa môn đồ, tổng số có ba ngàn.*

**39.** Bạch Vân bảo Công Phụ rằng: Xưa kia Thúy Nham Chân Ðiểm Hung**(1)** say đắm mùi thiền quán, thích đem bàn bạc ngoài đầu lưỡi, chửi mắng mọi người ở các phương, chưa có người nào là vừa ý mình, mà đại pháp thật ra chưa được tinh tường. Vào một ngày Kim Loan Thiện thị giả thấy vậy mỉm cười**(2)** và nói: "Sư huynh tham thiền tuy nhiều, mà chẳng liễu ngộ, đúng là si thiền vậy".

**Bạch Vân Dạ Thoại.**

*Chú:*

*(1) Thúy Nham Chân tức Hồng Châu Thúy Nham Khả Chân thiền sư, cũng gọi là Chân Ðiển Hung, pháp tự của Thạch Sương Viễn thiền sư.*

*(2) Kim Loan Thiện thị giả tức Tư Phúc Thiện thiền sư.*

**40.** Bạch Vân nói: Sự thịnh suy của đạo đâu phải là lẽ thường, mà đều tại chỗ người hoằng đạo vậy. Nên có câu: "Gìn giữ thời còn, buông bỏ thời mất"**(1)**. Nhưng không phải đạo bỏ người, mà chỉ vì người bỏ đạo vậy. Người đời xưa ở nơi núi rừng, ẩn dật chốn triều thị, chẳng màng chi danh lợi, chẳng hoặc bởi thanh sắc, tiếng trong sạch mới hay chấn động một thời, cái đẹp mới lưu lại muôn thuở, lẽ đâu người đời xưa làm được mà người đời nay lại không thể làm được như vậy ư! Ðó chỉ là do chỗ giáo hóa chưa chín mùi, chỗ làm đạo không hết sức vậy. Hoặc có kẻ bảo rằng: "Người thời xưa thì thuần phác nên hay giáo hóa, còn người đời nay thì phù bạc nên không thể dạy bảo". Nói như thế chính là lời cổ hoặc quần chúng thật không đủ tin vậy.

**Thư trả lời Công Phụ.**

*Chú:*

*(1) Câu này lấy ở trong thiên Cáo Tử trong sách Mạnh Tử. Khổng Tử viết: ‘Thao tắc tồn, xả tắc vong, xuất nhập vô thời, mạc tri kỳ hướng’. Nghĩa là "Giữ gìn thời còn, buông bỏ thời mất, tiến thoái không phải thời thì chẳng biết được phương hướng đó".*

**41.** Bạch Vân bảo Vô Vi Tử**(1)** rằng: “Nếu nói mà chẳng làm, thà rằng đừng nói, làm mà chẳng nói, thà rằng đừng làm. Phát ngôn phải lo đến hậu quả của nó, làm việc phải xét đến chỗ che đậy của nó. Bởi thế, bậc tiên triết cẩn thận ở lời nói, lựa chọn ở việc làm. Phát ngôn chẳng những để hiển đạo lý, mà còn đem mở bảo cho người học chưa ngộ. Làm việc không phải chỉ để hay riêng cho mình**(2)** mà còn đem dạy bảo cho người học chưa thành đạt. Vậy nên, phát ngôn có phép tắc, lập hành có lễ nghĩa, nên mỗi khi nói ra chẳng gặp vạ, mỗi khi làm chẳng bị nhục. Ðã nói ra thời là Kinh, làm việc thời là Pháp. Cho nên nói rằng: "Nói và làm là then chốt của người quân tử, là gốc lớn của việc sửa mình", động đến trời đất, cảm đến quỷ thần, thật đáng kính vậy".

**Bạch Vân Quảng Lục.**

*Chú:*

*(1) Vô Vi Tử: Tên là Dương Kiệt, tên chữ là Thứ Công, làm quan Lễ Bộ Ngoại Lang, biệt hiệu là Vô Vi Tử, pháp tự của Thiên Y Hoài thiền sư.*

*(2) Hay riêng cho mình: Dịch ở chữ độc thiện kỳ thân. Thầy Mạnh Tử nói: "Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ". Nghĩa là: Cùng thì chỉ hay riêng cho mình, đạt thời hay khắp cho trong thiên hạ.*

**42.** Bạch Vân bảo Diễn Tổ rằng: Trí năng của bậc thiền, phần nhiều chỉ thấy những việc đã rồi, chẳng hay thấy được việc chưa tới. Chỉ quán định tuệ**(1)** thì phòng ngừa ở lúc trước của sự việc chưa tới, tác chỉ nhậm diệt**(2)** thì biết được sau của sự việc đã rồi. Cho nên chỗ dùng của tác chỉ nhậm diệt thời dễ thấy, chỗ làm của chỉ quán định tuệ thì khó biết. Tuy có chỉ quán định tuệ, tác chỉ nhậm diệt, cũng đều bàn về gốc ngọn vậy. Sở dĩ nói rằng: "Nếu có một mảy may nào nói tới gốc ngọn đều là tự dối mình, đó là chỗ thấy triệt để của cổ nhân chẳng bao giờ tự dối mình vậy".**(3)**

**Thực Lục.**

*Chú:*

*(1) Chỉ quán định tuệ: Nương vào nguyên khí về phần thực tướng của thể tính mà nói là chỉ, về phần thường chiếu của bản giác gọi là quán, phần tam-muội là định, phần bát-nhã gọi là tuệ.*

*(2) Tác chỉ nhậm diệt: Ðó là chỉ về bốn căn bệnh thấy chép trong kinh Viên Giác: "Tác bệnh, nhậm bệnh, chỉ bệnh và diệt bệnh". Chỗ tu chứng của bậc thiện tri thức cần phải xa lìa căn bệnh này.*

*(3) Câu này là lời thị chúng của Ðức Sơn.*

**43.** Bạch Vân nói: Phần nhiều thấy những nột tử chưa từng trải kịp đến cái kế xa và lớn, ta sợ chốn Thiền môn sẽ suy vi từ đây. Dương Kỳ tiên sinh thường nói: "Trên dưới muốn lẫn tránh cho an nhàn, đó là mối đại họa cho chốn Thiền môn". Ta trước ẩn náu ở thư viện Qui Tông, duyệt xem kinh sử, chẳng những chỉ vài trăm lần qua mắt, mà xem đến nỗi kinh sách đó cũ nát tới cùng cực. Nhưng mỗi khi mở quyển tất nhiên lại cùng thu hoạch được nhiều ý mới lạ, như vậy thì sự học chẳng phụ người là thế vậy.

**Bạch Vân Thực Lục.**

44. Bạch Vân lúc đầu ở chùa Thừa Thiên thuộc Cửu Giang, sau dời về chùa Viên Thông, tuổi đời còn rất nhỏ. Khi bấy giờ Hối Ðường**(1)** ở Bảo Phong, bảo Nguyệt Công Hối**(2)** rằng: "Tân Viên Thông là người thấu triệt được kiến nguyên**(3)** thực chẳng hổ là pháp tự của Dương Kỳ, chỉ tiếc là ra ứng cơ**(4)** quá sớm nên chẳng phải là phúc của Thiền môn". Công Hối, nhân hỏi về nguyên cớ. Hối Ðường nói: "Cái mỹ khí của công danh, tạo vật đều tiếc, chẳng để trọn vẹn cho con người, nếu người cố tâm muốn có nó, thì trời tất nhiên sẽ cướp đi". Cuối cùng Bạch Vân mất ở chùa Hải Hội, thuộc Từ Châu vừa vặn năm mươi sáu tuổi. Người thức giả thường bảo rằng: "Hối Ðường chẳng những chỉ biết về thời cơ mà còn biết tới chỗ vi tế nữa, quả là một triết nhân vậy".

**Trạm Ðường Ký Văn(5)**

*Chú:*

*(1) Hối Ðường: Hối Ðường Bảo Quốc Tổ Tâm thiền sư, người đất Nam Hùng, pháp tự của Hoàng Long Nam thiền sư.*

*(2) Nguyệt Công Hối: Hiểu Nguyệt thiền sư, pháp tự của Lang Nha Giác thiền sư.*

*(3) Kiến nguyên: Kiến tính.*

*(4) Ứng cơ: Dịch ở chữ dụng, có nghĩa là ra tiếp hóa tế độ cho đời như trụ trì v.v...*

*(5) Trạm Ðường: Lặc Ðàm Văn Chuẩn thiền sư,hiệu là Trạm Ðường, pháp tự của Thực Phong Văn thiền sư.*

**45.** Hối Ðường Tâm hòa thượng tham thiền với Nguyệt Công Hối ở Bảo Phong. Công Hối thông hiểu triệt để tông chỉ kinh Lăng Nghiêm một cách trác tuyệt vô song. Hối Ðường mỗi khi nghe được một câu một chữ, như là người được viên ngọc báu**(1)** vui mừng khôn xiết. Trong đám nột tử có người bàn lén việc này. Hối Công nghe biết và nói: "Học chỗ sở trường của người, sửa chỗ sở đoản của ta, ta có nề hà chi vậy". Anh Thiệu Võ**(2)** nói: "Sự học đạo của Hối sư huynh, đã được các nột tử chốn Thiền môn lấy làm tông chỉ, thế mà còn lấy chỗ tôn đức tự thắng làm vui, lấy điều chưa thấy nghe làm xấu hổ, khiến cho Thiền môn tự rộng mà lại hẹp ở con người, để có chỗ làm khuôn phép**(3)**, thì đâu phải là bổ ích nhỏ vậy".

**Linh Nguyên Thập Di.**

*Chú:*

*(1) Ngọc báu: Thứ ngọc quý toàn bích không một tỳ vết.*

*(2) Anh Thiệu Võ: Tức Hồng Anh thiền sư, pháp tự của Hoàng Long thiền sư, vì là người của Thiệu Võ Quán, nên gọi là Anh Thiệu Võ.*

*(3) Khuôn phép: Dịch ở chữ căng thức. Căng nghĩa là kinh, thức là pháp tắc, nghĩa là mô phạm hay khuôn phép.*

**46.** Hối Ðường nói: Cái yếu của trụ trì là phải đặt kế hoạch xa và lớn, tỉnh lược những công việc gần và nhỏ. Công việc gì chưa quyết đoán được, nên đem thỉnh vấn các bậc lão thành**(1)**. Nếu vẫn còn ngờ vực, lại tới hỏi ở hàng thức giả. Ví hoặc cũng vẫn chưa hết chỗ quyết nghi, thì cũng chẳng đến nỗi quá tệ vậy. Giả hoặc người chủ, thích buông theo tư tâm, chuyên trách việc thủ xả theo ý muốn của mình, nhất đáng gặp mưu kế của kẻ tiểu nhân, tội đó sẽ qui về ai? Cho nên nói: "Mưu lược cần phải có sự tham gia của số đông người, quyết đoán công việc, cần phải ở ý kiến của một người. Mưu lược phải cần sự góp ý ở nhiều người, để xét rõ phần cùng cực của lợi hại, quyết đoán cần phải ở chính mình, mới có thể định rõ điều phải trái trong chốn Thiền môn.

**Thư gởi Thảo Ðường(2)**

*Chú:*

*(1) Lão thành: Bậc tiền bối tuổi cao đức trọng.*

*(2) Thảo Ðường: Tức Thảo Ðường Thiện Thanh thiền sư, pháp tự của Hối Ðường Tâm thiền sư.*

**47.** Hối Ðường không nhận lời mời phó hội của Qui Sơn. Trần Oánh Trung**(1)** ở Diên Bình, gởi thơ khuyên rằng: "Cổ nhân xưa kia, nếu mỗi khi ngôi trụ trì khuyết chức, thì tuyển người hữu đức để bổ sung. Người nhậm chức vụ này, tất phải đem cái đạo ấy để giác ngộ cho người ấy, tuyệt nhiên không vì thế lực danh lợi làm biến đổi. Người học đời nay chưa thấu tỏ đại đạo, lại đua theo học dị học, trôi vào ngả danh tướng, liền bị dao động bởi thanh sắc, kẻ hiền người ngu lẫn lộn, không phân biệt rõ ràng. Chính vì thế, các bậc lão thành động lòng trắc ẩn**(2)** thì cần phải lấy đạo để tự nhậm, ngăn cản trăm con sông để xoay chuyển lại những ngọn cuồng ba cũng không khó. Trái lại, nếu lui bước để tìm sự tĩnh mịch, chú trọng chốn an nhàn, lấy việc hay riêng thân mình làm sở thích, thì quả thật chẳng phải nơi Thiền môn kỳ vọng ở Ngài vậy".

**Linh Nguyên Thập Di.**

*Chú:*

*(1) Trần Oánh Trung: Người đất Sa Hà, châu Nam Kiếm.*

*(2) Trắc ẩn: Lòng thương mến sâu xa, đó là nguồn gốc của lòng nhân.*

**48.** Một bữa Hối Ðường thấy Hoàng Long**(1)** có sắc mặt chẳng vui, nhân thế mới hỏi duyên cớ. Hoàng Long nói: "Chưa tìm được người giám thu**(2)**. Hồi Ðường bèn tiến cử Cảm phó tự**(3)**. Hoàng Long nói: "Cảm còn thô bạo, sợ bị kẻ tiểu nhân mưu hại". Hối Ðường nói: "Hóa thị giả**(4)** là người liêm cẩn"**(5)**. Hoàng Long bảo: "Hóa tuy liêm cẩn nhưng lại không bằng Tú tạng chủ**(6)** có lượng mà trung thành". Linh Nguyên**(7)** thường hỏi Hối Ðường rằng: "Hoàng Long dùng một người giám thu, tại sao quá lo lắng như thế?". Hối Ðường nói: "Có nước có nhà ai chẳng lấy việc đó làm gốc, chẳng những Hoàng Long làm như thế, mà các bậc Tiên thánh cũng từng cảnh giới việc này".

**Ðộn Am Ký.**

*Chú:*

*(1) Hoàng Long: Hoàng Long Nam thiền sư, húy là Huệ Nam, pháp tự của Thạch Sương Viên thiền sư.*

*(2) Giám thu: Người trông nom việc thu nhập.*

*(3) Cảm phó tự: Tức Phúc Nghiêm Từ Cảm thiền sư, pháptự của Hoàng Long.*

*(4) Hóa thị giả: Tức Song Lĩnh Hóa thiền sư, pháp tự của Hoàng Long Hối Ðường Tâm thiền sư.*

*(5) Liêm cẩn: Ngay thẳng cẩn thận.*

*(6) Tú tạng chủ: Tức Ðại Qui Hoài Tú thiền sư, pháp tự của Hoàng Long Nam thiền sư.*

*(7) Linh Nguyên: Hoàng Long Linh Nguyên Duy Thanh thiền sư, pháp tự của Hoàng Long Tổ Tâm thiền sư.*

**49.** Hối Ðường bảo Chu cấp sự**(1)** Thế Anh rằng: "Ta khi mới nhập đạo, thường mắc cái tính tự thị**(2)**. Sau khi gặp Hoàng Long tiên sư, ta mới xét lại những sự việc thông dụng hàng ngày, thì mâu thuẫn với đạo lý quá nhiều, liền tận lực làm việc trong ba năm, chẳng quản ngại khi trời rét dữ hay nắng gắt, cũng vững chí không dời đổi, rồi sau đó được tới chỗ sự lý viên dung, nên bây giờ tất cả những cử động như ho hắng hay chuyển động tay chân cũng đều hợp với ý của Tổ Sư từ Tây Trúc lại".

**Chương Giang Tập.**

*Chú:*

*(1) Chu Cấp Sự: Tên là Chu Ðinh Kiệt, tên chữ là Thế Anh, làm quan đến chức Cấp Sự, người đất Vĩnh Phúc, đổ Tiến sĩ trong năm Sùng Ninh. Cấp Sự là chức quan Hoàng Môn Thị Lang, coi công việc nội ngoại trong cung vua.*

*(2) Tự thị: Tự cho mình là phải.*

**50.** Chu Thế Anh hỏi Hối Ðường rằng: "Người quân tử chẳng may phạm điều lầm lỗi nhỏ, mà có ngươi nghe biết hay thấy thì họ đều chỉ trích không ngớt, kẻ tiểu nhân trọn ngày làm điều ác, mà chẳng hề bị người chỉ trích, đó là cớ sao vậy?". Hối Ðường nói: "Ðức của người quân tử ví như ngọc tốt, nếu có vết ở bên trong tất phải hiện ra ở bên ngoài, nên ngườita dễ thấy và cho đó là điềm lạ, không thể không chỉ trích được, còn kẻ tiểu nhân, căn cứ vào chỗ làm hàng ngày của họ, thì có đầy rẫy điều tội lỗi, làm sao lại có thể dùng lời mà diễn tả được nữa vậy".

**Chương Giang Tập.**

**51.** Hối Ðường nói**(1)**: Cái đạo của Thánh nhân, cũng như trời đất nuôi vạn vật, nên đạo không chỗ nào là không đầy đủ. Cái đạo của chúng nhân, ví như sông lớn sông nhỏ, sông Hoài sông Tế, như gò núi suối hang, như côn trùng cây cỏ, đều chỉ hết cái lượng của chúng mà thôi. Chúng đâu có biết, ngoài phạm vi của chúng ra, đạo vẫn bao trùm khắp nơi chốn vậy. Ôi! há đâu lại có hai ngã vậy ư! Ðó chỉ là do chỗ biết có nông sâu, nên mới thành ra có lớn nhỏ.

**Thư trả lời Trương Vô Tận(2)**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này nói về đại đạo là chí cực của trời đất thì đồng nhất và bao trùm cùng khắp đó đây.*

*(2) Trương Vô Tận: Tức Trương Thương Anh, tên chữ là Thiên Giác, người đất Tân Trạch thuộc Thục Châu, trước tác bộ Hộ Pháp luận.*

**52.** Hối Ðường nói**(1)**: Bỏ lâu không thể thành công mau chóng,điều tệ tích chứa không thể trừ bỏ ngay, chơi bời thong thả không thể mến tiếc lâu dài, tình người chẳng hay thỏa đáng tốt đẹp, họa hoạn không thể dễ dàng trôi qua. Ôi! Làm bậc thiện tri thức đạt được năm việc này, thời có thể thiệp thế mà không buồn phiền vậy.

**Thư gởi Tường hòa thượng.**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này chỉ rõ về cách dụng ý xử thế của trụ trì, để biết chỗ đối với đại pháp của cổ nhân.*

**53.** Hối Dường nói: Bậc tiên sư khi tiến lúc ngưng, đều trang nghiêm trịnh trọng, người đời thấy thế đều cung kính sợ hãi. Kẻ nột tử, nhân khi có việc xin đi đâu, Ngài phần nhiều quở trách không ưng thuận. Nhưng khi nghe thấy xin phép về thăm cha mẹ già, thì khí sắc vui vẻ của Ngài hiện ngay nơi nét mặt, rất vuivẻ chấp thuận ngay. Ngài yêu thương người hiếu kính đến thế.

**Thư gởi Tạ Cảnh Ôn(1)**

*Chú:*

*(1) Tạ Cảnh Ôn: Tên chữ là Sư Trực.*

**54.** Hối Ðường nói: Hoàng Long tiên sư xưa kia cùng với Vân Phong**(1)** Duyệt hòa thượng, ngồi hạ ở Kinh Nam Phượng Lâm. Duyệt là người thích biện luận, có một ngày tạo ra cảnh huyên náo với nột tử. Tiên sư vẫn lặng lẽ xem kinh, coi như mình không hề nghe biết. Sau đó, Duyệt tới đầu án kinh của tiên sư, quắc mắt trách rằng: "Ông ở chỗ này học tập cái độ lượng của bậc thiện tri thức vậy ư?". Tiên sư cúi đầu bái tạ, rồi lại xem kinh như cũ.

**Linh Nguyên Thập Di.**

*Chú:*

*(1) Vân Phong: Nam Nhạc Vân Phong Văn Duyệt thiền sư, pháp tự của Ðại Ngu Chí thiền sư, pháiNam Nhạc đời thứ 11.*

**55.** Hoàng Long Nam**(1)** hòa thượng nói: Ta trước kia cùng Văn Duyệt vân du ở Hồ Nam, thấy kẻ nột tử mang lung**(2)** đi hành cước**(3)**. Duyệt kinh dị, nhăn mặt châu mày mắng rằng: "Vật trong nơi khuê cáp**(4)** ở chính trong nhà mình mà chẳng chịu bỏ đi, lại phiền lụy đến phần gánh của người khác, thật quả là quá mệt nhọc vậy.

**Lâm Gian Lục.**

*Chú:*

*(1) Ðại ý trong đoạn này bàn về người học đạo, cần phải phóng há vạn duyên.*

*(2) Lung: Cái lồng hoặc cái đương làm bằng tre, khoác sau lưng để đựng đồ vật.*

*(3) Hành cước: Ði hành cước, vị Tăng không cần chốn ở nhất định, tự mình đi khắp đó đây để tìm thầy học đạo, hoặc giáo hóa quần chúng.*

*(4) Khuê cáp: Cái cửa nhỏ, cửa nách, câu này ý nói tự mình hãy còn vọng tưởng chấp trước.*

**56.** Hoàng Long nói**(1)**: Trụ trì cần ở chỗ được lòng chúng. Ðược lòng chúng là ở chỗ thấy tình. Ðức Phật nói: "Tình người làm ruộng phước cho đời, đạo lý đều từ đó sanh ra". Cho nên, sự bĩ thái của thời, tổn ích của việc, tất nương vào tình người. Tình người có thông tác, nên bĩ thái phát sinh. Sự việc có hậu bạc, nên tổn ích phải đến. Duy Thánh nhân hay sáng suốt được cái tình của thiên hạ, nên những quẻ riêng biệt trong kinh Dịch có chia ra; Càn ở dưới khôn ở trên thời nói rằng thái**(2)**, càn ở trên khôn ở dưới thời nói rằng bĩ**(3)**. Theo Tượng truyện của Dịch: Tổn ở trên ích ở dưới, thời nói rằng ích**(4)**, tổn ở dưới ích ở trên, thời nói rằng tổn**(5)**. Ôi! Càn là trời, khôn là đất, trời ở dưới mà đất ở trên, thời ngôi vị đó trái ngược, mà lại bảo đó là thái, là vì lẽ trên dưới giao hòa nhau vậy. Chủ ở trên mà khách ở dưới, thì nghĩa đó là thuận, mà trái lại bảo đó là bĩ, là vì lẽ trên dưới chẳng giao hòa với nhau vậy. Bởi lẽ trời đất chẳng giao hòa với nhau, nên mọi vật chẳng được sự nuôi nấng, lòng người chẳng giao cảm với nhau, nên muôn việc chẳng hòa, cái nghĩa tổn ích cũng bởi thế mà ra. Ôi! Người ở địa vị trên, thời tự biết mình phải tiết ước, mà phải rộng rãi với kẻ dưới, thời người dưới tất vui vẻ mà cung phụng người trên, há chẳng bảo đó là ích vậy ư! Ở ngôi trên mà khinh miệt kẻ dưới, lại tự mình phóng túng, thời người dưới tất oán mà trái lệnh trên, há chẳng bảo đó là tổn vậy ư! Cho nên trên dưới giao hòa thời thái, chẳng giao hòa thời bĩ! Tự tổn mình thì ích người, tự ích mình thì tổn người. Sự được hay mất của tình người, đâu có dễ dàng vậy. Tiên thánh**(6)** thường ví người là con thuyền, tình là nước, nước hay chở được thuyền, nhưng nước cũng hay lật được thuyền, thuận với nước thì thuyền nổi, trái với nước thì thuyền chìm. Vậy nên, người trụ trì nếu được lòng người thì hưng thịnh, mất lòng người thời suy vi. Ðược hoàn toàn thì hoàn toàn thịnh, mất hoàn toàn thì hoàn toàn suy. Thế nên, cùng làm điều thiện thì phúc nhiều, cùng làm điều ác thì vạ lắm. Thiện ác cùng một loại, luân chuyển như đầu mối chuỗi hạt châu. Thịnh suy theo pháp tắc tuần hành tỏ rõ như xem mặt trời vậy. Ðó là nguyên qui**(7)** cho đời này qua đời khác phải noi theo.

**Thư gởi cho Hoàng Nghiệt Thắng(8)**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này nói rõ sự tương quan trên và dưới phải giao hòa với nhau thì mọi việc mới nhất trí.*

*(2) Càn ở dưới khôn ở trên, thời nói rằng thái: Dịch ở câu: Càn hạ khôn thượng, tắc vị chi thái. Ðó là nói quẻ Ðịa Thiên Thái. Quẻ Địa Thiên Thái thì càn ở dưới khôn ở trên, nên gọi là càn hạ khôn thượng. Khôn là địa, càn là thiên, nên tên quẻ đọc là Ðịa Thiên Thái. Thái có nghĩa là an vui, thông thuận.*

*(3) Càn ở trên khôn ở dưới, thời nói rằng bĩ: Dịch ở câu: Càn thượng khôn hạ, tắc viết bĩ. Ðó là nói về quẻ Thiện Ðịa Bĩ trong kinh Dịch. Quẻ Thiên Ðịa Bĩ thì khôn ở dưới, càn ở trên. Càn là thiên, khôn là địa, nên quẻ đọc là Thiên Ðịa Bĩ. Bĩ nghĩa là che lấp, cùng quẫn.*

*(4) Tổn ở trên ích ở dưới, thời nói rằng ích: Dịch trong câu: Tổn thượng ích hạ, tắc viết ích. Ðó là quẻ Phong Lôi Ích trong kinh Dịch Quẻ Phong Lôi Ích thì chấn ở dưới tốn ở trên. Tốn là phong, chấn là lôi nên tên quẻ đặt là Phong Lôi Ích. Phong là gió, lôi là sấm, gió mạnh thời sấm càng vang, sấm vang thời gió càng dữ, gió sấm hổ trợ nhau nên gọi là ích.*

*(5) Tổn ở dưới ích ở trên, thời nói rằng tổn: Dịch ở câu: Tổn hạ ích thượng, tắc viết tổn. Ðó là quẻ Sơn Trạch Tổn trong kinh Dịch. Quẻ này đoài ở dưới cấn ở trên. Cấn là sơn, đoài là trạch, nên tên quẻ đọc là Sơn Trạch Tổn (sơn là núi, trạch là sông). Tổn có nghĩa là thiệt hại, giảm bớt. Ví như đào đất ở dưới đưa đắp lên trên làm nền, thời nền hỏng mà tường tháp phải đổ ngay, thế thì tổn dưới ích trên là việc rất nguy hiểm, nên đặt quẻ bằng tổn.*

*(6) Tiên thánh thường ví: Sách Gia Ngữ chép: "Ôi! Vua như là con thuyền, dân như là nước, nước hay chở được thuyền, nhưng nước cũng hay làm cho thuyền lật.*

*(7) Nguyên qui: Nguyên qui có nghĩa là con rùa lớn, ngày xưa thường dùng mai rùa để bói việc cát hung. Nguyên qui ở đây có nghĩa là khuôn phép cho muôn đời vậy.*

*(8) Hoàng Nghiệt Thắng: Hoàng Nghiệt Duy Thắng thiền sư, pháp tự của Hoàng Long Nam thiền sư.*

**57.** Hoàng Long bảo Kinh Công**(1)** rằng: Phàm để tâm vào công việc chỗ mình làm, thường cần phải mở rộng con đường thẳng trước mắt, khiến cho hết thảy mọi người đều đi được, đó mới là cách dụng tâm của đại nhân. Bằng như con đường lại nguy hiểm chẳng thông, chẳng những khiến người ta chẳng hay đi được, mà chính ngay cả tự mình cũng không có nơi đặt chân vậy.

**Chương Gia Tập.**

*Chú:*

*(1) Kinh Công: Tên chữ là Giới Thụ, thường gọi là Vương an Thạch, là quan Tri Sự ở Kinh Châu, pháp tự của Bảo Phong thiền sư.*

**58.**Hoàng Long nói: Ôi! Người ta nói năng lúc lặng thinh, khi cử động lúc an tĩnh, tự mình phải trên chẳng dối trời, ngoài không dối người, trong chẳng dối lòng, đó mới bảo là được vậy. Tuy nhiên, cũng còn phải nên khuyên răn và thận trọng trong cả ở chỗ một mình hay nơi vắng kín, quả thật không một mảy may dốitrá, như thế mới bảo đó là được vậy.

**Thư đáp Kinh Công.**

**59.**Hoàng Long nói: Ôi! cái chức của Trưởng lão**(1)** là khí cụ của đạo đức. Bậc Tiên thánh kiến tạo Thiền môn, đặt ra kỷ cương, lập ra danh vị, tuyển chọn người nột tử có đạo đức để gánh vác chức đó. Nên chức vụ của Trưởng lão có trách nhiệm là phải thực hành phần đạo đức của mình, chẳng phải chỉ lạm dụng cái tên đó vậy. Từ Minh tiên sư thường nói: "Cùng với người giữ đạo tuy cùng chết già trong lò gạch, nhưng chẳng bằng người hành đạo lãnh chúng chốn Thiền môn". Há chẳng phải là người khéo giữ cái chức vụ Trưởng lão, thời đạo đức của Phật Tổ còn được tồn tại đó sao".

**Thư gởi Thúy Nham Chân.**

*Chú:*

*(1) Trưởng lão: Chức Trưởng lão trong thiền gia có ba bậc:*

*a. Kỳ niên trưởng lão, vị có nhiều tuổi đời và tuổi hạ.*

*b. Pháp trưởng lão, chỉ vào vị có trí tuệ, đức độ... liễu đạt được pháp tánh.*

*c. Tác trưởng lão, chỉ gán cho danh hiệu trưởng lão mà thôi.*

**60**. Hoàng Long bảo ẩn sĩ Phan Diên Chi**(1)** rằng: Cái học của Thánh hiền, không thể thành tựu ngay được mà cần phải tích lũy. Cái yếu của tích lũy, duy ở chỗ chuyên và cần, trừ khử lòng thị hiếu, thực hành không biết mỏi, vậy sau mới mở mang rộng rãi ra, thì có thể hết được cái diệu trong thiên hạ.

**Long Sơn Quảng Lục.**

*Chú:*

*(1) Phan Diên Chi: Tức cao sĩ Phan Diên Chi, tên chữ Hưng Tự, thường hỏi pháp ở Hoàng Long Nam thiền sư.*

**61.**Phan Diên Chi**(1)** nghe biết Hoàng Long là người đạo pháp nghiêm mật, nhân đến hỏi vế yếu lĩnh đó. Hoàng Long nói: "Cha nghiêm thời con kính, qui huấn ngày nay là mô phạm cho đời sau. Ví như san đất, chỗ cao thì đào cho thấp, chỗ trũng thì lấp cho bằng. Kẻ kia muốn lên núi cao ngàn nhận**(2)** ta cũng theo họ đi cùng, khốn khổ đến cùng cực ở nơi vực thẳm**(3)**, ta cùng đi tới với họ. Khi tài đã cùng, vọng đã hết, thời kẻ kia tự nghỉ vậy". Lại nói rằng: "Có nuôi có dưỡng**(4)**, nên vạn vật sở dĩ sinh trưởng ở mùa Xuân mùa Hạ, có sương có tuyết, nên vạn vật thành thục ở mùa Thu mùa Ðông. Ta muốn đừng nói có thể được vậy ư"**(5)**.

**Cửu Phong Tập**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này đại ý nói sự tiếp chúng của thầy cũng giống vớilý phát sinh nuôi dưỡng vạn vật của trời đất không khác.*

*(2) Nhận: Nhà Chu ấn định bề cao ba thước ta là một nhận.*

*(3) Cửu uyên: Dịch là vực thẳm, tức là chỗ nước sâu nhất.*

*(4) Có nuôi có dưỡng: Dịch câu Hú chi ấu chi. Trời lấy khí để nuôi vạn vật gọi là hú, đất lấy hình để dưỡng vạn vật gọi là ấu.*

*(5) Câu này ý nói: Theo chỗ phát sinh và nuôi dưỡng vạn vật là chỗ buông thả của tự nhiên, nhưng vì căn cơ thấp kém của thời mạt pháp, nên ta phải rủ lòng khắn bó dạy bảo.*

**62.** Hoàng Long trong trượng thất có ba lời then chốt gọi là "Tam quan ngữ"**(1)**. Kẻ nột tử ít người khế hợp được cơ đó, hoặc có thù đối, chỉ nhắm mắt ngồi ngay, không quyết đoán khả phủ được**(2)**. Diên Chi luôn luôn nghiền ngẫm quan ngữ đó. Hoàng Long nói: "Người đã qua cửa ải rồi thì vung cánh tay mà đi, nếu còn theo người giữ cửa để hỏi khả phủ, thì đó là người chưa thấu được quan ngữ vậy".**(3)**

**Lâm Gian Lục**

*Chú:*

*(1) Tam quan ngữ: Theo Văn Ngọa Kỷ Ðàm: Hoàng Long Tuệ Nam thiền sư, lúc bình thời, nếu thấy học đồ tới, tất nhiên, Ngài đem ba điểm then chốt là "Sinh Duyên"(duyên nơi sinh), "Phật thủ" (tay Phật) và "Lư cước" (chân lừa) để hỏi. Như Hoàng Long hỏi Long Khánh Nhàn: "Mỗi người đều có cái sinh duyên, vậy sinh duyên của Thượng tọa ở chốn nào?". Nhàn thưa: "Sáng sớm ăn cháo hoa, đến tối lại thấy đói". Lại duỗi tay và hỏi: "Tay ta làm thế nào giống như tay Phật?". Nhàn thưa: "Gảy khúc đàn Tỳ-bà dưới trăng". Lại duỗi chân ra và hỏi: "Chân ta sao giống tợ chân lừa?". Nhàn thưa: "Cò trắng đứng trên tuyết chẳng cùng màu sắc". Cứ vấn đáp như thế, nếu người học chưa khế ngộ được cơ đó thì dù hơn ba mươi năm trời, hoặc có thù đáp chăng nữa, cũng duy chỉ nhắm mắt ngồi ngay mà thôi, vẫn chưa quyết đoán được khả phủ. Vì thế nên chốn Thiền môn gọi đó là “Tam quan ngữ” của Hoàng Long.*

*Bài tụng tổng quát về Tam quan ngữ của Hoàng Long như sau:*

*Sinh duyên đoạn xứ thân lư cước,*

*Lư cước thân thời Phật thủ khai.*

*Vị đáo ngũ hồ, tham học giả,*

*Tam quan nhất nhất thấu tương lai.*

*Tạm dịch:*

*Chân lừa khi duỗi đoạn duyên sinh,*

*Tay Phật mở ra lúc đó liền.*

*Tham học những người trong bốn biển,*

*Phải lo thấu triệt nghĩa tam quan.*

*(2) Khả phủ: Nên hay không nên, được hay không được.*

**63.** Hoàng Long nói**(1)**: Ðạo như núi, càng lên lại càng cao, như đất, càng đi lại càng xa. Người học nông cạn chỉ hết cái sức của họ mà ngưng vậy. Duy người có chí với đạo, mới hay cùng được chỗ cao xa đó. Ngoài ra, thì ai sánh kịp được như thế vậy.

**Ký Văn**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này chỉ rõ chỗ cao xa của người học đạo phải nhất chí chuyên tâm để đạt tới chỗ cùng cực của đạo.*

**64.** Hoàng Long nói**(1)**: Trời đất, mặt trời mặt trăng ở thời xưa, cũng như trời đất, mặt trời mặt trăng ở thời nay. Tính tình vạn vật ở thời xưa, cũng như tính tình vạn vật ở thời nay. Trời đất, mặt trời mặt trăng thì cố định không đổi. Tính tình của muôn vật cũng cố định không biến. Tại sao riêng có đạo biến đổi được vậy ư! Ðáng buồn cho người chưa đến được đạo, chỉ chán cũ vui mới, bỏ cái này lấy cái kia, cũng giống như người đi về đất Việt**(2)**, chẳng đi về phía nam mà đi về phía bắc, đó bảo là khác người vậy. Như thế, chỉ luống nhọc lòng họ, khổ thân họ, chí của họ càng siêng, nhưng cái đạo đó lại càng xa vậy.

**Ðộn Am Bích Ký**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này đại ý nói, đại đạo thì nhất quán, cái lý thì chẳng biến đổi ở cả xưa và nay.*

*(2) Người đất Việt: Ðất Việt, giống người Việt, ngày xưa ở các vùng Giang, Triết, Mân, Việt bên Tàu, đều là nòi giống Việt, gọi là Bách Việt, như giống Ư Việt thì ở Triết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Ðông, Lạc Việt ở nước Việt Nam ta.*

**65.** Hoàng Long bảo Anh Thiệu Võ rằng: Chí con người phải qui về một, phải giữ cho bền lâu chớ đổi dời, thì một ngày kia tất biết được chỗ qui thú của diệu đạo. Giả hoặc kẻ đó tâm còn đắm vào tốt xấu, tình còn buông vào tà vạy, thì dẫu có chí khí như cổ nhân, ta sợ trọn đời cũng chẳng được thấy đạo vậy.

**Bích Kỳ**

**66.** Bảo Phong Anh hòa thượng nói: Các bậc lão túc khắp nơi, có những niêm đề, công án**(1)** để phê phán về lời nói của các bậc tiên giác, đó chẳng qua như người bưng đất đắp Thái sơn, vúc nước tưới biển Ðông hải. Song các Ngài há lại cậy vào đó để làm cao sâu vậy ư! Căn cứ vào chí của mình thì đó là ích, nhưng lại chẳng tự biết, đó chẳng phải là thỏa đáng vậy.

**Quảng Lục.**

*Chú:*

*(1) Niêm đề, công án: Niêm đề có nghĩa là nhắc lấy một đề mục để phê phán cái pháp tắc của cổ nhân, gọi là cổ tắc, nên gọi niêm đề là niêm cổ, hay niêm tắc, có nghĩa là lựa chọn những cổ tắc công án trong thiền lâm, để khai phát tâm địa của người học. Công án ngụ ý là án đọc của công phủ, dùng ngôn ngữ để kiểm thảo phần sở đắc của pháp. Công là phần chí lý, tức là cái lý công của thiên hạ, án là phần văn chương, ghi chép chỗ chí lý của Thánh hiền. Vậy công án tức là phần ký lục về những sự kiện thương lượng vấn đáp chí lý trong thiền gia,để giúp ích cho người tham thiền.*

**67.** Anh Thiệu Võ thường thấy người học buông lung chẳng sợ nhân quả. Liền than thở hoài và nói: "Ðời người**(1)** như quán trọ, ở thời tùy duyên, đi thời mất vậy, chỗ sở đắc của họ có được là bao. Lũ các ngươi chẳng biết liêm sĩ, can phạm danh phận, nhơ nhuốc tông giáo, đến nỗi như thế. Chí của người đại trượng phu là ở chỗ khôi phục hoằng đương cái đạo của Phật Tổ, dẫn dụ kẻ hậu lai. Không nên chuyên chú vào lòng ham muốn riêng mình, không kiêng sợ điều gì, gây cái vạ cho một đời, tạo cái ương cho muôn kiếp. Dù có phải chịu cái khổ ở tam đồ**(2)** địa ngục cũng chưa phải là khổ, mà hướng dưới tấm Ca-sa**(3)** mất thân người mới thật là khổ vậy.

**Bích Ký**

*Chú:*

*(1) Ðời người: Dịch ở chữ lao sinh. Vì lẽ cái hình chở đại ngã nên làm nhọc cho cái ngã sinh ra, nên gọi là lao sinh, cũng giống như chữ nhân sinh.*

*(2) Tam đồ: Ba địa ngục: Hỏa đồ, Ðao đồ và Huyết đồ.*

*(3) Hướng dưới tấm Ca-sa: Chỉ vào người xuất gia mà không minh được đại sự là điều tối kỵ.*

**68.** Anh Thiệu Võ**(1)** bảo Hối Ðường rằng: "Phàm gọi là thiện tri thức, giúp đở sự tuyên dương hoằng hóa của Phật Tổ, khiến kẻ nột tử hồi tâm hướng đạo, thay đổi phong tục, cố nhiên không phải là người thiển bạc mà họ có thể hay làm được. Tỳ-khưu thời mạt pháp, phần nhiều chẳng tu đạo đức, ít có tiết nghĩa, lại thường chen gót tới lui, van xin sự thương xót, truy cầu thanh lợi trước cửa quyền thế. Nhất đáng nghiệp đầy phúc hết, thời trời người chán ghét, gây vết do cho chính tông, làm hệ lụy cho thầy bạn, thật là đáng buồn vậy". Hối Ðường gật đầu.

**Linh Nguyên Thập Di**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này đề cao chỗ tôn quý của chính đạo và hạ trách cái tệ phong của Tỳ-khưu.*

**69.** Anh Thiệu Võ bảo Phan Diên Chi rằng: Người học giả thời xưa chuyên sửa tâm (gốc), người học giả thời nay lại sửa tích (ngọn). Song tâm với tích thì cách xa nhau một trời một vực vậy.

**70.** Anh Thiệu Võ bảo Chân Tịnh Văn**(1)**hòa thượng rằng: Vật gì lớn mạnh, tất phải gãy non, công nghiệp chóng thành, tất nhiên dễ hoại. Chẳng suy tính cái kế lâu dài, chỉ gây dựng cái công nghiệp vội thành, đều chẳng phải là chỗ nương vào kế xa và lớn. Ôi! Trời đất thì thiêng linh rất mực, cũng còn cứ năm năm lại có hai năm nhuận, thì cái công của trời đất mới thành, cái hóa của trời đất mới đủ, huống chi chỗ nhiệm mầu của đại đạo, há lại vội vàng hấp tấp, mà hay thành biện được vậy ư? Ðiều thiết yếu là chỗ góp công chứa đức. Cho nên nói rằng: "Việc muốn chóng thành thời chẳng đạt, việc làm kỹ lưỡng thời chẳng mất. Sự thành quả của vẻ đẹp là ở nhiều công phu liền có cái mưu chung thân". Thánh nhân nói**(2)**: "Ðem lòng tin để giữ, gắng gỏi để làm, đem lòng trung thành để tới, thời việc tuy lớn nhưng tất phải xong".

Xưa Triết thị giả**(3)**, ngồi thiền thâu đêm không ngủ. Thường lấy cây tròn làm gối, nếu hơi ngủ thời gối chuyển, rồi lại thức dậy, ngồi nguyên như củ, coi làm thường lệ. Hoặc có người bảo đó là việc dụng tâm thái quá. Triết đáp: "Ta đối với trí huệ thì duyên phận rất mong manh, nếu chẳng khắc khổ gắng chí, sợ bị vọng tập lôi kéo. Huống hồ, đời là mộng huyễn không thực, sao được coi đó làm kế lâu dài. Ta trước ở Tương Tây, mục đích thấy người noitheo như thế, nên trong chốn Thiền môn, ai cũng phục cái danh đó, mến cái đức đó mà đều khen".

**Linh Nguyên Thập Di**

*Chú:*

*(1) Chân Tịnh Văn: Tức Chân Tịnh Khắc Văn thiền sư, pháp tự của Hoàng Long Nam.*

*(2) Thánh nhân nói: Ðoạn này trích ở Xuân Thu Tả Thị truyện.*

*(3) Triết Thị Giả: Chỉ vào Mộ Triết Chân Như thiền sư ở Ðàm Châu, pháp tự của Thúy Nham Khả Chân thiền sư.*

**71**. Chân Tịnh Văn hoà thượng**(1)** tham thiềnở Hoàng Long đã lâu ngày, lúc đầu đã nói không xuất hiện trước quần chúng. Nhưng sau đó đã nhận lời mời của Ðỗng Sơn. Trên đường đi qua Tây Sơn có tới thăm Hương Thành Thuận hòa thượng**(2)**. Hòa thượng bỡn rằng: "Gia Cát xưa kia ẩn am tranh**(3)**, lời mời khẩn khoản xuất núi xanh, tùng hoa lại đượm màu xuân sắc, gốc ở thâm nham vẫn nở cành". Chân Tịnh cảm tạ rồi bái lui.

**Thuận Ngữ Lục**

*Chú:*

*(1) Ðoạn này đại ý nói về người vân thủy tu hành, ẩn dật nơi núi rừng để tu thân tích đức, nhưng khi cảm thấy sự thuận cảnh của nhân thiên, cũng lại xuất hiện để ứng dụng với đời.*

*(2) Hương Thành Thuận Hòa thượng: Thượng Giám thiền sư, pháp tự của Hoàng Long Nam.*

*(3) Gia Cát: Gia Cát Lượng Khổng Minh, chỉ việc cũ của Gia Cát trong Tam Quốc Chí.*

**72.** Chân Tính cử Quảng đạo giả**(1)** trụ trì chùa Ngũ Phong. Dư luận cho rằng, Quảng là người vụng về, không có tài ứng thế. Kịp tới lúc Quảng trụ trì, thì tinh tiến để sửa mình, khoan hồng để xét chúng.Chưa bao lâu mà hàng trăm việc đình trệ đều được tiến hành. Kẻ nột tử đi lại tấp nập, náo nhiệt tuyên truyền. Chân Tịnh nghe biết thế và nói: "Người học sao lại khen chê dễ dàng quá vậy". Ta mỗi khi thấy chốn Thiền môn, có người bàn lén rằng: "Vị Trưởng lão này thì hành đạo an chúng,vị Trưởng lão này chẳng lạm dụng của thường trụ, cùng với chúng đồng chịu khổ". Ôi! Xưng là bậc thiện tri thức, làm chủ một ngôi chùa, hành đạo an chúng, chẳng lạm dụng của thường trụ, cùng với chúng đồng chịu cam khổ, cố nhiên là việc phải làm, lại còn gì để phải nói hơn. Như kẻ sĩ đại phu làm quan, vì nước an dân, liền nói rằng: "Ta không nhận của hối lộ, chẳng sách nhiễu dân". Vậy việc không nhận hối lộ, không sách nhiễu dân, đâu phải là ngoài phận sự vậy ư.

**Sơn Ðường(2) Tiểu Sam.**

*Chú:*

*(1) Quảng Ðạo Giả: Tức Ðoan Châu Cửu Phong Hy Quảng thiền sư.*

*(2) Sơn Ðường: Hoàng Long Ðường Ðạo Chấn thiền sư, pháp tự của Thảo Ðường Thiện Thanh.*

**73.** Chân Tịnh ở chùa Qui Tông. Hàng năm có các hóa chủ**(1)** lại dâng mục lục**(2)** những đồ vật cúng dường, trong đó có vải lụa rất nhiều. Chântịnh thấy thế cau mày than rằng: "Ðây là tâm huyết của lòng tin, ta hổ thẹn không có đức, đem gì để đền bù xứng đáng".

**Lý Thương Lão Nhật Thiệp(3) Ký.**

*Chú:*

*(1) Hóa chủ: Người đàn việt, người đem đồ vật bố thí cúng dường.*

*(2) Mục lục: Dịch ở chữ sớ, có nghĩa tờ ghi chép những phẩm vật dâng cúng.*

*(3) Lý Thương Lão Nhật Thiệp: Nhật Thiệp Quốc Phụ, tên của Lý Thượng Lão, tham thiền ở Bảo Phong Trạm Ðường.*

**74.** Chân Tịnh nói: Tỳ-khưu thời mạt pháp**(1)**, ít có người tiết nghĩa. Mỗi khi thấy họ bàn cao luận rộng và tự nói người chẳng ai kịp mình. Tới khi chịu cái ơn của một bữa ăn, thời họ lại cho cái lúc trước kia khác, nhưng sau lại phụ họa theo, trước thì khen đấy rồi sau chê đấy. Còn tìm được người, phải thì nói rằng phải, trái thì nói rằng trái, trung chính mà chẳng che đậy quả thật hiếm vậy.

**Bích Ký.**

*Chú:*

*(1) Mạt pháp: Sau khi đức Phật tịch diệt, giáo pháp của Ngài chia làm ba thời: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Hiện nay thuộc thời Mạt pháp.*

**75.** Chân Tịnh nói**(1)**: Cái pháp của Tỳ-khưu, thụ dụng chẳng nên phong phú và mãn túc. Khi quá phong mãn tất phải tràn đầy. Cái việc xứng ý chẳng nên đa mưu, nếu đa mưu thì việc hỏng trọn vẹn. Cái gì có thành, tất nhiên có hoại. Ta thấy Hoàng Long tiên sư, ra ứng thế bốn mươi năm, khi nói thì lặng, lúc động thì tĩnh, chưa từng lấy sắc mặt, đem lễ mạo hoặc văn tài, để lao lung kẻ nột tử đương thời, mà chỉ đem chỗ thấy biết xác đáng, noi theo chỗ thật, xét theo chỗ chân, để biết nguyên do ủy khúc của thành bại. Sự thận trọng của Ngài như thế, thật là đạt được cái thể tài của cổ nhân, mọi nơi ít có ai sánh bằng, nên ngày nay tứ chúng, đều lấy đó làm pháp tắc.

**Nhật Thiệp Ký**

*Chú:*

*(1) Ðại ý đoạn này nói rõ sự tôn quí của tri túc và chỗ chí yếu của thực tiễn.*

**76.** Chân Tịnh ở chùa Bảo Ninh thuộc Kiến Khang. Có Thư Vương**(1)** cúng trai và thần vật như lụa là... Nhân hỏi Tăng thị giả: "Ðây là vật gì?". Thị tăng nói: "Tơ gai lụa là". Chân Tịnh hỏi: "Dùng làm gì?", Thị tăng nói: "Dùng để may Ca-sa". Chân Tịnh chỉ vào tấm áo Già-lê**(2)** mình đang mặc bằng vải thô và nói: "Ta mặc áo tầm thường như thế này, mà cũng chẳng tránh được sự phê phán của người đời, nữa là lại dùng tơ lụa như vậy ư". Ngài liền ra lệnh đưa cho người coi kho đem bán lấy tiền cung chúng. Ngài chẳng những về hình thức phục sức là như thế.

**Nhật Thiệp Ký**

*Chú:*

*(1) Thư Vương: Tức Kinh Công. Vua Tống Huy Tông tặng Kinh Công làm Thư Vương.*

*(2) Già-lê: Tức áo Tăng-già-lê. Vì một vị Tỳ-khưu đều có ba tấm Ca-sa: tấm thứ nhất gọi là tấm 5 điều hay gọi là An-đà-hội, tấm thứ hai gọi là Uất-đa-la tăng hay tấm 7 điều, tấm thứ ba gọi là Tăng-già-lê hay tấm 9 điều.*

**77.** Chân Tịnh bảo Thư Vương rằng: Chỗ dùng hàng ngày là căn cứ ở sức làm việc, nếu một khi có điều gì trái, thời phải ngăn đi bằng được, không nên vì khó dễ mà thay đổi ý chí. Nếu đem việc khó ngày hôm nay mà quay đầu đi chẳng đoái hoài đến, thời sao biết được cái khó ở ngày khác lại chẳng khó hơn ở ngày hôm nay ư?.

**Nhật Thiệp Ký.**

**78.** Chân Tịnh khi nghe biết có một đạo sĩ ở một địa phương thiên hóa**(1)** thì Ngài thương tiếc đến rơi lệ. Lúc đó Trạm Ðường làm thị giả, bèn hỏi: "Vạn vật sinh trong khoảng trời đất, một khi hình chất đã thành, thì phải khô chết tàn lụi, tựa hồ như không thể tránh khỏi đưọc, vậy vì lẽ khổ đau gì mà tự ngài phải đau lòng đến thế?". Chân Tịnh nói: "Sự hưng thịnh của pháp môn, đều nhờ vào người có đức mà hưng thịnh, nay thì đều mất vậy. Sự suy vi của Thiền môn, phải lấy đó làm chiêm nghiệm”.

**Cửu Phong Tập**

*Chú:*

*(1) Thiên hóa: Có nghĩa là dời hóa về một thế giới khác, tức là chết.*

Quyển thứ nhất

HẾT